

DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

QUYỂN 2

PHẨM: PHẬT QUỐC (Phần 2)

Từ: Lại có một vạn Phạm thiên... là luận về tạp chúng chứng thành nghĩa không sai. Trong đây có đủ Phạm Thánh Đại, Tiểu thừa nên gọi là tạp. Đây có quyền thật. Thật là tùy nghiệp mà sinh. Nếu Pháp thân trụ ở hai mươi lăm Tam-muội để ứng hiện thọ sinh thì gọi là quyền. Nên văn trên có khen Bồ-tát rằng: “Mà ứng hiện thân mình sinh vào năm đạo.” Lại đoạn văn dưới có nói: “Chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh”.

Đây là chư Thiên... dự tòa nghe kinh. Nay ở Đại kinh phụ mở ra bốn trường hợp: Kinh ấy nói: Đối với người giới chậm không gọi là chậm, đối với người thừa chậm mới gọi là chậm. Giải thích điều này có nhiều cách, nay chỉ lấy nghĩa tiện dụng với văn kinh mà nêu bốn trường hợp:

1. Giới thừa đều gấp.
2. Giới chậm thừa gấp.
3. Giới gấp thừa chậm.
4. Thừa giới đều chậm.

Nếu luận chung giới và thừa thì tất cả pháp lành, tất cả quán hạnh đều coi chung là thừa giới. Nay lấy riêng mà xét thì tam quy, ngũ giới, thập thiện, bát quan trai, luật nghi xuất gia... cho đến định cộng để ngăn thân, khẩu, ngừa quả ác đạo, để được báo trời, người thì gọi là giới. Nếu nghe kinh mà hiểu, nếu quán trí suy tìm Tứ đế, mười hai Nhân duyên, mà sinh lý vô sinh, trí luôn phá các hoặc, thoát khỏi ba cõi... thì gọi là thừa. Nên trong Đại phẩm có nói: “Thiện có hình tướng không động không xuất, thiện không hình tướng thường động thường xuất”. Nhưng giới có thô tế, thừa có lớn nhỏ. Nay phân làm hai:

1. Giải thích huyền nghĩa.
2. Giải thích văn.

I. GIẢI THÍCH HUYỀN NGHĨA có bảy:

1. Gặp Phật không đồng.
2. Tín pháp căn tánh.
3. Căn tánh đại tiểu.
4. Căn tánh đốn tiệm.
5. Ứng tích đồng phàm.
6. Quán tâm.
7. Hóa tha.

1. Giới thừa chậm gặp gặp Phật không đồng. Giải thích bốn trường hợp trước:

Giới thừa đều gặp: Giới gặp thì thọ báo cõi trời, người, thừa gặp thì gặp Phật đắc đạo. Tức số trời, người đến hội ở kinh này.

Giới chậm thừa gặp: Giới chậm thì sinh vào ba đường ác. Thừa gặp thì gặp Phật đắc đạo. Chính nay là Long, thần... cùng đến nghe pháp. Cho đến khi nói Phương đẳng Đà-la-ni. Bà Tẩu từ địa ngục ra đem các tội nhân cùng đến nghe pháp. Lại các ngạ quỷ cũng đến nghe pháp. Khi nói Đại kinh thì các quỷ thần... cùng đến tập họp. Lại khi nói Đại phẩm thì Phật phóng quang chiếu xuống địa ngục, các người bỏ báo thân thọ sinh ở sáu tầng trời cõi Dục đều xuống nghe pháp... đều là người trước kia giới chậm thừa gặp.

Hỏi: Ở ba ác đạo vì sao lại được đạo?

Đáp: Số ít là Không được chứ không phải đều không được. Trong Đại luận có nói: Như thân có nốt ruồi đen, tuy không phải là người đen nhưng không phải Không đen.

Giới gặp thừa chậm: Giới gặp là được thân làm trời, người. Thừa chậm là Không được gặp Phật. Dù có gặp Phật cũng không được nghe kinh vào đạo. Như ở nước Xá-vệ có ba ức người không thấy Phật, ba ức người thấy mà không nghe pháp. Lại ở cõi trên số chư Thiên đắm mê dục lạc không đến nghe pháp... đều là việc này. Trọn thời gian Phật hoằng pháp sao rơi như mưa, nhưng cả cõi này không thấy không nghe cũng là nghĩa đó.

Giới thừa đều chậm: Giới chậm thì đọa vào tam đồ, thừa chậm thì không gặp Phật, luôn lưu chuyển trong sinh tử không có bến bờ.

2. Hai hạng không đồng tức là tín và pháp:

a. Do tin mà làm, tức do văn tuệ huân tập mà thành, đều do ở quá khứ là người học rộng, thọ trì đọc tụng, nghe pháp.

b. Do pháp mà làm, tức do tu tuệ huân tập mà thành, tức ở quá khứ là người thiên quán. Hai hạng người này đều đủ giới thừa bốn trường

hợp theo trên mà suy ra. Nhưng trong hai hạng người này lợi độn có khác. Về lợi thì ít học nhưng lại thường quán sát mà thấu suốt, hai hạng người này... ắt hẳn cầu thỉnh pháp thiện.

3. Căn tánh đại tiểu không đồng. Lại căn cứ tín và pháp thì mỗi thứ đều có đại tiểu.

a. Nói tín hành Đại thừa, xưa nghe học Đại thừa, giới thừa đều gấp. Giới gấp thì sinh làm trời, người, thừa gấp thì lại được nghe Đại thừa. Còn ba trường hợp kia suy theo trước.

b. Tín hành Tiểu thừa, xưa nghe học Tiểu thừa, giới thừa đều gấp. Giới gấp thì sinh làm trời, người, thừa gấp thì lại được nghe Tiểu thừa, ba trường hợp kia nên biết. Sau tiếp nói về pháp hành Đại, Tiểu thừa, giới thừa có bốn trường hợp như trên nên biết và chỉ riêng lợi độn là có khác.

4. Căn tánh đốn tiệm, có hai: Đốn đại, tiệm đại.

Đốn đại lại có hai là tín và pháp.

a. Nói về căn tánh đốn của tín hành Đại thừa. Lúc xưa nghe Đại thừa, thọ trì đọc tụng giảng nói biên chép... Nếu thừa giới đều gấp thì sinh làm trời, người, dùng thân Đế Thích, Phạm thiên mà gặp Phật-xá-na ở bảy xứ chín hội. Thí như mặt trời mới mọc trước chiếu lên các núi cao. Nếu giới chậm thừa gấp thì đọa vào ba ác đạo, lấy thân rồng, quỷ, tu-la các thần mưa gió đối với Xá-na mà nghe pháp và đạo. Nếu giới gấp thừa chậm thì tuy ở cõi lành mà không nghe nói đốn thừa. Nếu thừa giới đều chậm thì đọa vào ba đường ác không thấy Phật, không nghe pháp.

b. Nói về căn tánh đốn Đại thừa pháp hành: Ở quá khứ học Đại thừa tu một tâm ba quán. Nếu giới thừa chậm gấp thì có bốn trường hợp như loại tín hành trên nên biết. Riêng lợi độn có khác chút ít.

Nói về căn tánh tiệm đại tín pháp.

Tín hành căn tánh tiệm: Đã không có đốn cơ thì ắt không dự nghe thuyết giảng ở xứ hội Hoa nghiêm, lại có Tiệm cơ thì được nghe Tạng... bốn vị. Giới thừa đều có bốn trường hợp như trước có thể biết.

Đây như Đại kinh nói nghe tiếng trống độc gần xa đều chết. Gần thì như người nghe Hoa nghiêm liền tin nhận nhập vào Như Lai tuệ. Xa thì tức như người tiệm ngộ căn duyên. Trước tu Nhị thừa xa lìa Phật đạo, kế nghe Phương đẳng Bát-nhã đến Pháp Hoa Niết-bàn thì vì Như Lai diệt độ nên đều diệt độ cả. Năm vị tương sinh là ý này vậy. Nay ở pháp tòa này mà có bát bộ cùng nghe tức là hàng giới thừa đều gấp hoặc giới chậm thừa gấp.

Nói về căn duyên tín pháp đại tiểu tiệm đốn.

Hỏi: Hàng giới gấp thừa chậm và giới thừa đều chậm thì làm sao được đăt đạo?

Đáp: Được gặp Phật là nhân duyên đều gấp. Nếu không gặp Phật mà sinh trong đời chánh, tượng pháp thì cũng là duyên đều gấp. Cho nên Đức Như Lai di chúc khiến nương vào Mộc-xoa Niệm xứ mà tu đạo. Lại phó chúc lưu thông giáo pháp, thì đều là tạo nhân duyên tín hành giới thừa đều gấp.

Hỏi: Nếu chỉ tạo nhân duyên đều gấp, sao lại còn có căn duyên giới chậm thừa gấp?

Đáp: Chư Phật, Như Lai dùng đạo an ẩn làm nhân duyên, chỉ vì chúng sinh tội cấu sâu nặng, mà tu thiền quán hạnh không thể tịnh trì cấm giới đến nổi thành duyên giới chậm thừa gấp. Tuy loại giới chậm phải đọa ba đường ác, nếu gặp được Di-lặc và ngàn Phật, nghe pháp Tiệm đốn liền được vào đạo. Đại kinh có nói: “Ở giới chậm không gọi là chậm, chỉ có thừa chậm mới gọi là chậm.” Thừa chậm giới gấp tuy sinh làm trời, người nhưng không gặp Phật nghe pháp. Nếu hết quả báo sẽ lưu chuyển mãi trong sinh tử. Cho nên nói thà làm Điều-đạt mà chết vào địa ngục chứ không làm Lam-phất mà sinh lên trời thọ vui. Điều-đạt vốn được pháp chậm, do ác nghiệp mà bị đọa vào địa ngục, khi ra làm thân người sẽ là Bích-chi-Phật, thông minh lợi trí hơn ngài Xá-lợi-phất. Còn Uất-đầu-lam-phất tuy được sinh lên trời, khi phước báo hết, phải đọa vào tam đồ lưu chuyển sinh tử chưa biết bến bờ.

5. Bồ-tát ứng thân. Vì để tiếp dẫn những kẻ có duyên được thấy Phật nghe pháp nên trụ vào hai mươi lăm Tam-muội, hiện thân thọ bốn đường ác ở hai mươi lăm hữu, đó là bậc Vô cấu bất thoái tâm lạc hoan hỷ. Dùng bốn thứ Tam-muội Từ thiện căn lực để tiếp dẫn kẻ căn tánh giới chậm thừa gấp tín pháp đại tiểu đốn tiệm về nghe giáo Đốn tiệm khiến được vào đạo. Nếu kẻ đều chậm thì khiến tạo duyên đều gấp. Kẻ trụ vào như huyễn... hai mươi lăm thứ Tam-muội dùng Từ thiện căn lực mà thọ thân người trời để tiếp dẫn các chúng sinh giới thừa đều gấp tín pháp đại tiểu đốn tiệm, giúp họ nghe giáo đốn tiệm để được vào đạo. Cũng vì hạng giới gấp thừa chậm mà tạo duyên đều gấp. Nay trong pháp tòa này tám bộ bốn chúng có kẻ là pháp thân Bồ-tát hiện thân ấy chính là nghĩa này.

6. Căn cứ theo quán tâm. Nếu người quán hạnh là Đại hay Tiểu thừa, Thừa giới có bốn trường hợp thọ thân nào, thì được thấy Đức Di-lặc và nghe những pháp nào, hoặc không thấy không nghe không được

vào đạo, được vào đạo hay không có thể biết. Hoặc không tu thiền quán đọc tụng thuyết pháp tức thành tín hành có giới gấp thừa chậm thì được đạo hay không có thể biết.

7. *Về hóa tha.* Nếu người quán hạnh giảng nói phải tự xét tâm hành dùng bốn ý này mà phân biệt được vào đạo hay không, liền thấy người được hóa độ các hạnh nghiệp không giống nhau, ở đời vị lai lên xuống đều biết rõ ràng, phải lấy ý này mà dẫn dắt hóa độ.

II. GIẢI THÍCH VĂN KINH

Phân tạt chúng có bốn:

1. Phạm thiên.
2. Đế Thích.
3. Bát bộ.
4. Bốn Bộ chúng.

Một vạn Phạm thiên vương: Phạm là tiếng Tây Vực, dịch là Ly dục hoặc gọi là Tịnh hạnh. Phạm Vương là chúa cõi Ta-bà ở khoảng Sơ thiên. Tỳ-đàm nói: Từ Nhị thiên trở lên không có nói năng nên không lập vua. Kinh Anh Lạc nói mỗi cõi thiên đều có Phạm vương. Nay bảo là do tu nhiều Vô lượng tâm có quả báo hơn cả nên được làm vua không có thống trị. Ở cõi Sơ thiên có giác quán và nói năng, ắt có vua chúa thống lãnh nên có vua ngự trị ở đời. Đây do xưa được giới thừa đều gấp nên lãnh chúng Sơ thiên đến nghe pháp. Nếu ứng hiện thân thì trụ ở Bạch sắc Tam-muội và các thứ Tam-muội có sức huân tập mà sinh cõi Sơ thiên, dẫn Phạm chúng đến nghe pháp.

Thi khí, đây gọi là Hỏa hay Hỏa Thủ, lại nói là bầu tóc, vì nhục kế giống như quả bầu. Xem phần tựa Pháp Hoa thì e đó là vua trời Nhị thiên. Nói vân vân “v.v...” là luôn cả Tam và Tứ thiên. Nếu hiện thân, là cả hai thứ tiếng sấm và nước mưa ba thứ Tam-muội dẫn các Phạm chúng đến.

Hỏi: Vì sao từ các bốn thiên hạ khác đến?

Đáp: Các cõi trên ở giữa hư không chỗ đến khó biết, lấy dưới định trên nên nói từ các tứ thiên hạ khác đến, lại có mặt ở tòa giảng.

Tiếp mới nói chúng Đế Thích. Chúa trời Địa cư, gọi là Thích Đề-hoàn Nhân, Hán dịch là Năng tác. Nói về Đế Thích là khi xưa, lúc Phật Ca-diếp đã diệt độ, có người nữ phát tâm tu sửa tháp Phật ấy, lại có ba mươi hai người cũng phát tâm trợ giúp việc tu sửa. Do công đức sửa tháp vị nữ ấy làm vua trời Đạo-lợi, các người trợ giúp kia trở thành các quan phụ tá. Họp vua tôi lại thành ba mươi ba vị chúa trời, vì thừa gấp

nên đồng đến nghe pháp. Nếu hiện thân thì vua tôi đều là sức nan phục Tam-muội để sinh lên cõi ấy. Nên dẫn những kẻ ham mê dục lạc cùng đến nghe pháp.

Nói “theo các trời khác”, trong một tứ thiên hạ chỉ có một Thiên đế. Đã có một vạn hai ngàn nên nói từ các tứ thiên hạ khác đến.

Hỏi: Các trời trội hơn rất nhiều, vì sao chỉ nêu riêng Phạm vương Đế Thích?

Đáp: Phạm vương là trời chủ thế giới, Đế Thích là chúa trời Địa cư đều là chủ việc thỉnh Phật chuyển pháp luân, Lại đều là đàn-việt của Phật, nên nêu ra trước để làm chứng cứ cho kinh. Cùng các người khác đến hội tòa là phần nói chúng Bát bộ. Nghĩa của Bát bộ có nhiều liên hệ, nay lược xét văn mà giải thích.

Đại oai lực, là thấy suốt cả tám bộ. Văn trên chỉ nói Phạm thích nay lại nêu chung cả năm cõi trời Dục giới và năm trời Na-hàm trong Tứ thiên, mỗi nơi đều có vua và quyến thuộc cùng đến nghe pháp.

Nếu quyền hiện thân sinh vào các trời này thì trụ vào Bất động Tam-muội, sinh vào cõi trời Tứ thiên vương. Nếu thích ý thì sinh cõi Viêm-ma, sắc xanh thì sinh cõi Đâu-suất, sắc vàng thì sinh cõi Hóa lạc, sắc đỏ thì sinh cõi Tha hóa, chiếu gương sáng thì sinh cõi Na-hàm... đều dẫn các trời đến nghe pháp.

Hỏi: Trời Vô tướng vô sắc vì sao không đến?

Đáp: Vô tướng là trời ngoại đạo. Bồ-tát trụ Hư không Tam-muội cũng sinh vào cõi ấy, theo số đông mà luận thì hàng giới gấp thừa chậm phần nhiều không đến. Bốn cõi trời Vô sắc Bồ-tát trụ vào Vô ngại Tam-muội thì sinh vào Không xứ, Thường thì sinh vào thức xứ, Lạc thì sinh vào bất dụng xứ, Ngã thì sinh vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, chỉ các cõi trời Vô sắc ấy không đến nghe pháp. Giả sử có đến cũng không thấy, nên không thể làm chứng. Những cõi trời này chưa nói đến nên lập lại là chư Thiên.

Vê Long “rồng) là loài súc sinh, chánh báo có thân giống rắn, y báo có cung điện bảy báu giống trời, cũng có thể biến thành hình người đẹp đẽ, do giới chậm thừa gấp nên thế. Cũng như Tỳ-kheo Tăng Hộ nói pháp cho bốn rồng nghe rồi liền ngộ.

Thần Dạ-xoa đều là loài quỷ. Dạ-xoa, Hán dịch là Khinh tặc “đi nhanh) có ba loại: Loại ở trên đất, loại ở trên không, loại hầu hạ các trời. Vì phá giới nên đọa làm loài Quỷ thần, vì độc ác nên làm thân Dạ-xoa. Do xưa tu thừa gấp nên được thấy Phật nghe pháp. Vì ít bố thí nên được quả báo nhỏ, bố thí xe ngựa nên bay được trên không.

Càn-thát-bà, Hán dịch là Hương ẩm, đây cũng là loại thần bay trên không, không ăn rượu thịt, chỉ cần mùi hương nuôi thân. Lại gọi là Thần âm nhạc của vua trời, ở núi Thập bảo, có thân đen đúa, thường tấu nhạc trời, do xưa ham nghe kỹ nhạc. Vì giới chậm nên đọa làm Thần, vì bố thí nên quả báo giống trời.

A-tu-la, xưa gọi là Không rượu hoặc gọi thân lớn, vì nhật hoa biến trong bốn thiên hạ gây rượu không thành nên gọi là Không rượu. Lại nói là phi thiên. Quả báo của Thần này trội nhất trong các Thần, chỉ kém trời mà không phải trời. Lại gọi là Không đoan chánh, chỉ có thân nữ chỉ là đẹp tuyệt luân còn bà con đều xấu nên gọi là Không đoan chánh. Lại nói trai xấu gái đẹp. Do xưa ghen ghét náo hại người khác nên luôn bị sợ hãi.

Ca-lâu-la, Hán dịch là Kim sí điều “chim cánh vàng”, thuộc loài súc sinh, do kiêu mạn nhiều bị đọa, do bố thí mà trên cổ có châu Như ý, bắt rồng ăn thịt. Về quyền thì kinh Hoa Nghiêm nói:

*Pháp thân Kim sí điều
Bốn Như ý làm chân
từ bi làm mắt sáng
Đậu cây Nhất thiết trí
Bồ-tát vua Kim sí
Trong biển sinh tử lớn
Tóm lấy trời, người, rồng
Đặt lên bờ Niết-bàn.*

Đây là trụ bất thoái Tam-muội Kim sí pháp môn. Nên biết pháp thân trụ các Tam-muội, Long thần, Tu-la... đều có pháp môn. Giống như Kim sí nên biết.

Khẩn-na-la, Hán dịch là Nghi thần, trên đầu có sừng là Thần nhạc của chư Thiên, có quả báo thấp kém hơn Càn-thát-bà. Vì ham thích âm nhạc nên sinh vào loài Quỷ thần làm Thần âm nhạc. Vì tu ít công đức nên quả báo nhỏ. Bồ-tát trụ Tâm lạc Tam-muội, nên lực kém mà sinh làm loài này.

Ma-hầu-la-già, tức Rắn thần, cũng gọi là Địa long, là Thần không chân bò bằng bụng. Tức là miếu thần ở thế gian nhận rượu thịt của người đều vào bụng rắn mãng xà. Do phá giới tà nịnh và nhiều giận dữ, ít bố thí, ham rượu thịt, Giới chậm mà đọa làm Quỷ thần. Vì sân nhiều mà các loài trùng chui vào thân ăn hút. Do xưa ít bố thí nhưng khiêm kính nên được người cúng dường, vì thừa gấp nên gặp Phật nghe pháp. Từ trên đều là thừa giới đều gấp và giới chậm thừa gấp, nên đến nghe

pháp, do đó ở đầu kinh đều có Bát bộ. Bát bộ mỗi mỗi đều ước nói người có căn duyên tín pháp đại tiểu đốn tiệm suy theo trước mà biết.

Các Tỳ-kheo đến hội tòa là phần bốn nói về bốn chúng. Tên Tỳ-kheo gồm ba nghĩa như trước đã giải thích. Ni là người nữ. Kinh xưa nói trừ cận nam, trừ cận nữ hay Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Hán dịch là thanh tín sĩ, thanh tín nữ, cũng gọi là thiện túc nam, thiện túc nữ. Tuy ở tại gia giữ năm giới, nhưng nam nữ không ngủ chung qua đêm nên gọi là Thiện túc. Điều giải thích này chưa thể coi là nhất định. Đây đều là giới thừa đều gấp. Giới gấp vì sinh vào loài người, thừa gấp nên được gặp Phật nghe pháp làm đệ tử.

Hỏi: Bốn chúng đều là giới thừa đều gấp vì sao lại có tại gia xuất gia?

Đáp: Do ham và chán không đồng. Tuy đều ưa thích Phật pháp, nhưng có người thích cạo tóc đắp y vào đạo, có người thích mặc áo trắng không chán, nên không đồng nhau. Bồ-tát nhập vào bốn thứ Tam-muội Nhật quang, Nguyệt quang, Như huyễn, Nhiệt viêm mà sinh vào tứ thiên hạ làm bốn chúng đệ tử, đây là dẫn các phàm phu nghe pháp vào đạo.

Từ “Khi ấy Phật... đến hết lời kệ thất ngôn” là tựa riêng. Các điềm lành thứ tự hiện ra là biểu thị muốn nói kinh này, nên tướng hiện ra không giống các kinh khác. Đây có hai phần:

1. Từ “Lúc ấy Phật cùng... đến hết phần trường hàng” là tựa phát khởi.

2. Từ “trưởng giả tử... đến hết kệ” là tựa tự thuật.

1. Tựa phát khởi: là hiện tướng riêng biểu thị muốn nói kinh này nhưng dùng tướng biểu hiện làm nghĩa nên hiện ra ba điềm lành để biểu thị ý muốn nói về ba đức pháp thân, ba thứ Tịnh độ.

a. Hiện thân tôn quý vòi vọi là biểu thị muốn nói cái thể chân tánh giải thoát pháp thân, cũng biểu thị muốn nói về cảnh tánh Tịnh chân thật, còn nước Thường tịch quang.

b. Còn Trưởng giả hiến tặng năm trăm lạng báu, Đức Phật dùng oai thần hợp thành một lạng là biểu thị ý muốn nói các nhân đã tròn đủ cùng hợp thành một Viên báo pháp thân viên mãn thật tuệ giải thoát, cũng biểu thị muốn nói về cõi nước Thật báo Viên tịnh.

c. Là hiện ba ngàn cõi nước chư Phật đang nói pháp đều hiện ra trong lạng. Đây là vô phương đại dụng biểu thị muốn nói phương tiện giải thoát Ứng thân, cũng muốn nói là phương tiện ứng độ.

Hỏi: Sao biết được khi hiện thân cao quý là biểu thị muốn nói

chân tánh Bất tư nghị pháp thân giải thoát ?

Đáp: Đại phẩm nói: Thân tôn quý, lấy núi Tu-di soi mình xuống biển làm dụ, vì các núi khác không sánh kịp. Kinh này cũng thế. Lại nữa, kinh Pháp Hoa nói: Trưởng giả ở trong một thành oai đức tôn quý, kẻ cùng tử kinh sợ lánh mặt. Đây là Như Lai thị hiện thân tôn quý nói kinh Hoa Nghiêm, kẻ có căn cơ Tiểu thừa không kham nổi thế nên bỏ trốn xa. Ông liền cởi chuỗi anh lạc mặc áo xấu, đây là làm thân Tỳ-kheo già định nói Tam tạng giáo. Từ đó về sau tâm tướng thể tín ra vào Không khó, ra thì hiện thân áo xấu, vào thì hiện tướng oai đức, tức là hiện thân tôn quý nói giáo Phương đẳng. Trong nhà trưởng giả hiện thân oai đức khiến kẻ cùng tử hiểu biết gia nghiệp. Đó là hiện thân tôn quý tốt đẹp, chuyển dạy Bát-nhã cho các Bồ-tát. Lại ở trong nhà tập hợp các quốc vương đại thần định rõ thiên tánh cha con: “Người thật là con ta, ta thật là cha người”. Tức là kinh Pháp Hoa hiện thân tôn quý lúc thọ ký cho các Thanh văn. Lúc mới gặp thì luôn lánh xa, sau ra vào Không khó khăn, kẻ đó biết các vật rồi định tính cách cha con... gồm bốn phen hiện thân trưởng giả tôn quý có đeo chuỗi ngọc anh lạc làm đẹp đều là dụ cho Đức Thích-ca hiện thân tôn quý có ánh sáng rực rỡ vô lượng, biên không đều là biểu thị ý muốn nói thật tướng pháp thân giáo Phương đẳng này, vào ra không khó khăn, tuy thấy xuất phát từ Thảo am mặc áo xấu. Trưởng giả khi vào nhà cũng hiện thân có chuỗi anh lạc, anh lạc chính là trưởng giả. Nay là Phật cùng vô lượng đại chúng cung kính vây quanh là hiện thân tôn quý.

Hỏi: Sao biết hiện thân tôn quý là biểu thị muốn nói pháp thân.

Đáp: Kinh Pháp Hoa nói: “Ta dùng tướng thân đẹp, ánh sáng chiếu thể gian, vô lượng chúng tôn kính, vì nói ẩn thật tướng.” Đại Phẩm kinh cũng nói: “Các pháp thật tướng tức là Phật.”

Hỏi: Sao được biểu hiện Tịch quang tịnh độ?

Đáp: Kinh này đã lấy Phật quốc làm tông chỉ, há không là biểu hiện cõi Tịnh cảnh? Pháp thân tức cõi nước, lìa thân không có cõi nước. Cõi nước tức pháp thân, lìa cõi nước không có thân. Chỉ có Chân như thật tướng không phải trí không phải cảnh mà nói trí nói cảnh. Không phải thân không phải cõi mà nói thân nói cõi. Đã biểu hiện thân tức biểu hiện cõi. Nên Kim Cang Luận có nói:

Trí tập duy thức thông

Như thế lấy Tịnh độ

Không hình, đệ nhất thể

Không trang mà nghiêm trang.

Còn kinh này thì nói: “Tùy tâm tịnh thì cõi Phật tịnh.” Vậy biểu thị nói Thật tướng chân tâm lẽ nào đâu chẳng phải là nói cõi nước Thường tịch quang? Nhưng nghĩa biểu hiện thân là chung, chung với kinh, phổ tập, nghĩa biểu hiện cõi nước là riêng, riêng biểu hiện riêng Phật quốc.

Hỏi: Hợp lộng và hiện cõi nước sao được biết là biểu thị cho thân và cõi nước Báo ứng?

Đáp: Năm trăm cái lộng nhỏ hợp thành một lộng lớn há không phải là biểu thị các nhân hợp thành một quả. Một quả tức là Viên báo pháp thân viên mãn mà có thân tức là có cõi nước. Nên Văn kinh nói: khi Bồ-tát tu các hạnh bố thí... thành Phật chúng sinh như thế thì sinh vào cõi nước ấy.

Hỏi: Đây là nói Ứng thân thành đạo, đâu được chứng minh là Báo độ?

Đáp: Do Báo thân thành thì có ứng thân và ứng độ thành.

Căn cứ Tựa Phát khởi có hai:

1. Như Lai hiện thân.
 2. Trưởng giả hiển lộng.
- Phần một, lại có ba:
- a. Phật nói pháp.
 - b. Nói thí dụ.
 - c. Hợp thí dụ mà nói.

a. Lúc đó Đức Phật cùng vô lượng đại chúng, chúng có bốn loại:

1. Chúng phát khởi, như các vị Bảo Tích, Văn-thù, Di-lặc... Phát khởi cho nhau.

2. Chúng ảnh hưởng, là pháp thân Bồ-tát ở cõi này cùng các cõi khác hiện thân làm Bát bộ và tứ chúng...

3. Chúng Đương cơ, tức chúng nghe kinh được lợi ích như năm trăm Bát bộ và bốn chúng... đều là giới thừa đều gấp và giới chận thừa gấp.

4. Chúng kết duyên, là giúp chúng ở vị lai được giải ngộ do tu tiệt, đó là Bát bộ, bốn chúng thuộc giới gấp thừa chận và giới thừa đều chận. Nhóm bốn chúng này gồm chung tất cả chúng.

Cung kính là nói cơ thiện bên trong phát sinh. Vây quanh, là như bốn cửa thành cùng vào gặp vua, biểu thị cho bốn môn cơ động tùy giáo của Phật chuyển hóa mà được thấy chân tánh giải thoát pháp thân. Vì nói pháp cho nghe, câu này xưa Sư Quang Thượng Thống hỏi Trưởng Nhĩ Tam tạng giáo rằng Đức Phật khi ấy nói cho vô lượng đại chúng

những pháp gì?

Đáp: Nói kinh Phổ Tập tức thuộc giáo Phương đẳng. Do đó mà nay làm tựa cho kinh này. Kinh ấy nói Chánh báo nhân quả, nay nói Y báo nhân quả. Do Chánh mới có Y nên được làm tựa, giống như trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa kể nói kinh Pháp Hoa.

b. Từ “Ví như...” đến “biển cả”: Núi Tu-di, Hán dịch là An minh cũng gọi là Diệu cao. Đâu những Diệu cao mà cũng là Diệu đại. Vì cũng như thân thật báo tôn quý của Phật trên cùng có thật tướng đánh nên nói là Diệu cao. Công đức trí tuệ đầy khắp thế giới nên gọi là Diệu đại.

Hiển bày ở biển cả tức hiển bày tòa này nói về bốn môn thiện căn của bốn chúng có duyên, cũng là hiển thị biển sinh tử của tất cả chúng sinh như núi cắm sâu trong biển xanh mà vượt ra khỏi mặt biển. Phật không trụ ở sinh tử cũng không bỏ sinh tử, không trụ như núi vượt cao không bỏ như bóng hiện trên biển cả. Như nước biển không phải có bốn màu mà do bóng núi hiện ra nên có bốn màu. Đây là nói tâm chúng sinh không phải có bốn môn, Phật dùng Tất-đàn phương tiện mà nói có bốn môn khiến họ mất đi tâm ác; hiểu bản tướng là đồng với bốn môn lại không thể hiểu khác được.

c. Từ “An xứ...” “đến đại chúng” là , hợp thí dụ.

Báo là chỉ cho lý pháp tánh vạn thiện. Tòa vô úy là các pháp “Không chính là tòa vạn thiện vô úy “Không”. Thân tướng vôi vôi tương xứng với tòa là ví thật tuệ vi diệu tương ứng với lý không vạn thiện vô úy, “không” đây là hợp dụ núi Tu-di. Che phủ đại chúng, là nói đại giáo che các hiểu biết sai lầm “Vọng giải) đồng với chân giải, che các tà tiểu hiểu bốn môn đồng với thành bốn môn của Đại thừa, đây là hợp bày về thí dụ biển cả.

Từ “Bấy giờ... trở đi” là nói về con trưởng giả hiển lộ, có ba phần:

- a. Trước nói nguyên do biểu phát.
- b. Như Lai hợp lộng hiện tướng lành.
- c. Đại chúng thấy tướng lành đều hoan hỷ.

Năm trăm lộng hợp thành một lộng, là biểu thị từ ở trong nhân hưởng về Phật quả thành vô duyên, tức biểu thị cho báo, pháp thân viên mãn, cũng biểu thị cho Y báo tịnh quốc. Chính là biểu thị kinh này lấy nhân quả Phật quốc làm gốc. Trong lộng hiện ra tất cả cõi nước là biểu thị quả địa Tịnh độ hiện ra tất cả ứng độ, tức là biểu thị cho lực dụng của kinh này.

Lại hiện ra mười phương chư Phật nói pháp, là biểu thị ở ứng độ ất có ứng Phật làm hóa chủ. Đại chúng hoan hỷ tức là nghe bất tư nghị giải thoát. Căn cơ Phật quốc đã phát ất thắm nhuần được lợi ích Đại thừa, người dự nghe đều hoan hỷ. Cho nên biết hiện tướng bí mật là biểu thị phát khởi kinh này, do đó mà làm tựa riêng.

Phần hai, Trưởng giả làm nguyên do phát khởi nên hiển lộ. Có ba phần:

- a. Đồng loại cùng đến.
- b. Chí thành, cung kính.
- c. Dâng lộ.

a. Tỳ-dá-ly, đã giải thích đầy đủ ở trước. Thành là chỉ cho Niết-bàn. Nên kinh Hoa Nghiêm nói: Bạch tịnh pháp làm thành, quán tuệ làm tường vách, vô thượng trí làm lầu gác, tầm quý làm hào sâu, ba môn “không” giải thoát chánh niệm làm phòng hộ, bốn đạo làm đường chánh du hành ra khỏi tam giới, tạo lập Vô thượng pháp tràng để trừ diệt tất cả ma. Nay nói tánh tịnh Niết-bàn như thành trì. Không phải trưởng giả không phải Như Lai cùng ở trong thành ấy. Vì nhân mà xưng là con, vì quả mà xưng là Phật tánh không phải nhân quả mà nhân quả, tánh Y báo có nghĩa giống với thành trì. Giải thích về Bảo Tích như trước đã nói.

Sự việc về năm trăm trưởng giả tử nên biết hoặc biểu thị cho pháp môn, hoặc biểu thị cho năm thứ chủng tánh thiện căn, mỗi chủng tánh có một trăm, tức năm trăm thiện căn đều là nhân, nên gọi là con. Lộ bảy báu là biểu thị bảy Giác chi điều phục khiến tất cả dừng lại mà sinh thật tướng chân giải nên gọi là bảy báu. Trái các pháp mà khởi Từ nên gọi là lộ. Lộ có nghĩa che chở, tức Từ tâm che mát tất cả chúng sinh. Đến chỗ Phật, là nhân tu trái các pháp riêng, mà duyên với Từ. Nay phát ra nhân Vô duyên hướng về quả vô duyên che khắp tất cả.

b. Chí thành, tức đầu mặt lễ Phật chân thật là tỏ rõ sự tôn kính, biểu thị nhân trí ở trên tiếp với quả trí ở dưới.

c. Dâng lộ, nhân có nghĩa trợ giúp quả của cải là quả nên nói cúng dường.

2. Từ “Oai thần của Phật...” trở đi là nói Như Lai hợp lộ và hiện các tướng lành. Có hai phần:

- a. Nói việc hợp lộ.
- b. Chính nói về hiện tướng lành.

a. Văn nói năm trăm trưởng giả tử đều hiển lộ là biểu thị mỗi người đều tu nhân.

Hợp thành một lọng: là biểu thị một quả Viên. Đã có Chánh nhân có thể cảm lấy Chánh quả tất là Y nhân sẽ cảm được Y quả. Nói “biển khắp tam thiên” là biểu thị một quả thể Vô duyên đại từ khắp che pháp giới. Như luận về Chánh báo kinh Phổ Tập đã nói. Nay hiện tướng Chánh báo biểu thị Y báo khắp che tất cả.

Từ “Mà thế giới này...” trở đi, là nói chánh hiện tướng lành. Có hai phần:

1. Hiện ra cõi nước.
2. Hiện Phật nói pháp.
 - a. Hiện cõi nước có bốn:
 - b. Hiện tướng cõi nước rộng dài.
 - c. Hiện mười núi.
 - d. Hiện biển lớn và các sông.
 - e. Hiện nhật nguyệt và Thiên cung.

Hiện cõi nước chính là biểu thị Y báo thế gian, rộng cả trăm ức, nên nói là rộng, cao suốt trời Hữu đảnh nên nói là dài. Lại giải thích ngang khắp mười phương nên gọi là rộng, suốt khắp bốn cõi nên gọi là dài.

Từ tam thiên này đến cả núi Thiết vi hiện mười núi, e là nói về thế gian chúng sinh.

Hiện biển lớn và các sông Từ “đại hải đến triền nguyên) e là biểu thị cho năm ấm thế gian.

Hiện nhật nguyệt và Thiên cung Từ “nhật nguyệt đến bảo cái) hoặc biểu thị cho khí thế gian. Bốn thứ thế gian hiện ra trong lọng là y báo, là chỗ nương của thế gian chúng sinh và năm ấm.

Hỏi: Hiện tướng vô tình sao được nương vào hữu tình?

Đáp: Hễ nói Đại thừa hiện tướng thì đều thế cả.

Hiện chư Phật nói Từ “mười phương đến bảo cái”. Nếu nói y báo ắt có năng y. Đã có chúng sinh được hóa độ ắt có ứng Phật hóa đạo, cho nên trong lọng hiện ra chư Phật và Phật nói pháp, vì có bốn Phật trụ ở bốn cõi nên đều gọi là Phật quốc.

Đại chúng thấy tướng lành đều vui mừng Từ “Nhĩ thời nhất thiết trở đi”. Phần này có ba:

- a. Khen chưa từng có là khẩu nghiệp cúng dường. Từ xưa đến nay chưa từng hiện ra tướng lành hợp lọng, biểu thị là sẽ nói về Phật quốc.
 - b. Chắp tay lễ Phật là thân nghiệp cúng dường.
 - c. Chiêm ngưỡng Tôn nhan là ý nghiệp cúng dường.
- Vì hiện ra tướng lành nên tất được nghe bất tư nghị Phật quốc, sẽ

được ba nghiệp thanh tịnh và ba luân bất tư nghị hóa, sẽ được lợi ích đó nên tâm vui mừng của người dự nghe phát ra, do đó đều bày ra ba nghiệp cúng dường. Chỉ hiện ra tướng lành là biểu thị việc phát khởi tình ý cho mọi người. Khi tâm ý mọi người đã kính ngưỡng và đã hiện ra chư Phật ắt phải phó duyên mà nói pháp. Việc mừng vui làm tựa để nghĩa càng thêm gần gũi.

2. Tựa tự thuật, từ “trưởng giả tử Bảo Tích...” : Đức Phật hiện tướng lành khó lường, nếu không phải thần trí cao sáng của Bảo Tích thì ai biết được chỗ biểu thị ấy, vì muốn khiến chúng lúc đó biết việc hiện tướng lành là muốn nói về Phật quốc để tin hiểu rõ ràng, nên nói kệ để khen ngợi. Với ba mươi sáu hàng kệ thì chia làm hai, mười bảy hàng đầu là thuật nguyên do khen ngợi hiện tướng, mười chín hàng sau là chính khen ngợi thuật lại tướng hiện ra. Nguyên do hiện tướng lại có hai phần, chín hàng kệ đầu là khen ngợi thắng ứng pháp thân cho là nguyên do gần, tám hàng kệ sau là khen ngợi liệt ứng cho là nguyên do xa.

a. Nói về thắng ứng là hoặc vì Bồ-tát nói pháp Đại thừa thì hiện tướng oai đức thù thắng, liền từ thắng ứng này mà được pháp thân.

b. Nói về liệt ứng, hoặc vì Thanh văn nói pháp Tiểu thừa thì thân tướng thô kém, liền từ liệt ứng đó mà không thấy pháp thân. Cho nên kinh Pháp Hoa có nói: “Liền cởi bỏ chuỗi anh lạc mặc áo xấu, thân đầy bụi nhớt, đáng vẻ đáng sợ sệt.”

Hỏi: Vì sao thắng ứng là nguyên do gần, liệt ứng là nguyên do xa?

Đáp: Thắng ứng tức là ngay ở tòa nói kinh Phổ Tập, do đây mà hiện điềm lành nên là nguyên do gần, còn liệt ứng là thân nói pháp Tiểu thừa, thuở xưa làm nguyên nhân nên là xa.

Hỏi: Liệt ứng của Tam tạng giáo tự nhiên là việc xưa, vì sao lại làm nguyên do xa cho việc này?

Đáp: Kinh Pháp Hoa có nói: Trong suốt hai mươi năm thường khiến quét dọn phân, từ đó trở về sau tâm tướng thể tín vào ra không khó khăn, cho nên ngay lúc này hiện Thắng ứng thân mà nói pháp Đại thừa cho hàng Thanh văn. Việc hợp lọng hiện tướng lành là biểu thị nói Phật quốc, phải biết là do liệt ứng ngày xưa mà hiển bày thắng ứng ngày nay, nên nói là nguyên do xa.

Xét nguyên do gần có hai:

a. Hai hàng kệ đầu là lược khen về hai ích lợi của hình và tiếng.

b. Bảy câu kệ là rộng khen ích lợi của hình và tiếng. Rộng và lược đều là khen cả. Lược là nói chánh báo nhân quả trong kinh Phổ Tập. Vì

sao biết được? Vì tiếp theo khen nói pháp là Không hữu cũng không vô, do nguyên nhân duyên mà các pháp sinh. Hai hàng đầu lại có hai: Hàng đầu là khen ích lợi về hình, hàng hai là khen ích lợi về tiếng. Phần hình lại hai: Câu đầu khen công đức của sắc, câu hai khen công đức của tâm. Đại kinh có nói: Phật tánh cũng là sắc mà không phải sắc. Vì sao gọi là sắc, vì đó là thân Kim cang. Sao gọi là Không phải sắc, vì là mười lực Vô úy không phải là sắc pháp. Nay trước khen về sắc lại căn cứ vào mắt mà khen, tức là một trong ba mươi hai tướng của thân Kim cang. Nhưng thân có nhiều phần mà quý nhất là đầu, đầu có nhiều phần mà tông chỉ là mắt, khen phần cao quý ắt gồm cả phần thấp kém. Về lực Vô úy... thì trí tuệ có nhiều thứ, nhưng khen tâm là bao gồm tất cả. Thế nên khen cái tông chỉ là sắc và tâm. Mắt là tên khác của nhãn. Nhãn chủ ở gan, gan buồn thì mắt ứa lệ, vậy khen nhãn tức là khen đức đại bi. Đại luận nói: Bát-nhã là mẹ Phật, đại bi mẹ là Bát-nhã. Cho nên căn cứ tướng này mà khen sắc công đức.

Hỏi: Pháp thân cũng có tướng ư?

Đáp: Đây là Thắng ứng biểu thị cho pháp thân, tìm ở tướng mắt này mà được pháp thân Phật nhãn, cho nên khen ứng thân tức là khen pháp thân Phật nhãn. Các tướng khác nên suy theo đây. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Tịnh pháp thân vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng, “. Nhưng mắt là tên chung, từ dụng mà phân biệt có năm thứ:

1. Nhục nhãn, nhìn thấy sắc thô.
2. Thiên nhãn, thấy sắc tế nhân quả.
3. Tuệ nhãn, nhìn thấy sắc tâm thô tế và lý thiên chân.
4. Pháp nhãn, thấy sắc thô tâm tế, các pháp nhân duyên giả danh Tục đế.

5. Phật nhãn, thấy lý Trung đạo Phật tánh viên chân. Lại luôn song chiếu nhân duyên lý sự thô tế.

Căn cứ theo giáo thì bốn Phật nhãn không đồng. Trong Kim Cang Bát-nhã Phật hỏi ngài Thiện Cát: Như Lai có nhục nhãn cho đến có Phật nhãn chăng? Ngài Thiện Cát đáp: Như Lai có Nhục nhãn cho đến có Phật nhãn. Nay Bảo Tích khen năm nhãn đều lia cấu chướng nên nói là mắt sạch. Nói tu quảng, tu là dài, quảng là rộng. Cả năm mắt nhìn thấy cảnh dọc sâu tận đáy nên nói là tu, rộng khắp pháp giới nên gọi là quảng. Như hoa sen xanh, ở Tây Vực có hoa sen xanh lá rất to có hình dài rộng giống mắt Phật nên dùng để thí dụ. Lại không phải chỉ là hình giống mắt Phật mà nó ở trong bùn lại không dính hôi bùn, năm nhãn cũng thế, không phải chỉ chiếu thấy cảnh tận khắp ngang dọc, mà

dù chiếu cảnh đời cũng không bị ô nhiễm nên khen mắt sạch như hoa sen xanh.

Nay lược năm nhãn theo văn mà giải thích:

1. Nhục nhãn là quả công đức không do nghiệp chướng xấu ác hun đúc, nên gọi là mắt sạch, thấy dọc các sắc từ địa ngục lên đến trời Hữu đảnh nên gọi là tu, rộng khắp trăm ức không sắc nào không thấy nên gọi là quảng. Tuy thấy các sắc mà không bị nhiễm trước, nên nói như hoa sen xanh.

2. Thiên nhãn, nhân thiên định mà lia các cái, phát ra tịnh nhãn căn, vì nhãn căn trong sạch nên gọi là mắt sạch. Thấy dọc ngoại giới nên gọi là tu, ngang thấy cả mười giới nên gọi là quảng, tuy thấy mà không bị nhiễm như hoa sen xanh.

3. Tuệ nhãn, không còn kiến tư hoặc ở nội ngoại giới nên gọi là mắt sạch, chiếu dọc cả chân lý rốt ráo nội ngoại nên gọi là tu, thấy ngang khắp chân lý nội ngoại nên gọi là quảng, thấy chân mà không bị nhiễm nên như hoa sen xanh.

4. Pháp nhãn, là Không có trần sa hoặc nên gọi là mắt sạch, thấy dọc cả bốn pháp Tứ đế, dọc suốt nội ngoại giới nên gọi là tu, thấy ngang pháp bốn thứ Tứ đế khắp mười giới mười phương nên gọi là quảng, không đắm nhiễm các pháp nên như hoa sen xanh.

5. Phật nhãn là Không có pháp giới vô minh nên gọi là mắt sạch, thấy dọc cả Trung đạo pháp giới cả nội ngoại giới đến tận nguồn rốt tánh nên gọi là tu, thấy ngang mười giới Trung đạo một thời viên chiếu nên gọi là quảng, không bị pháp giới vô minh sinh tử làm ô nhiễm như hoa sen xanh. Đây chỉ là lược nêu ra năm nhãn của Biệt, Viên, còn Tạng Thông thì đều xét theo hai đế nội giới để nói về năm nhãn. Nếu căn cứ theo tình ý sắc tâm phân biệt thì tức là năm nhãn của Tam tạng giáo. Nếu căn cứ theo huyễn hóa sắc tâm phân biệt thì là năm nhãn của Thông giáo.

Hỏi: Nay trưởng giả tử quyết định khen nhãn nào?

Đáp: Kinh thuộc Phương đẳng thì tùy bốn căn duyên mà nói đủ bốn giáo, khiến không còn có sự nghe biết khen ngợi nào trái ngán. Sau đó nói là dùng một thứ tiếng diễn nói mà tùy loại đều nhận hiểu. Nếu với người quán tâm thì một tâm ba quán, quán chiếu về tâm, các nhân duyên thô tế và tức không, giả, trung để đối tu năm nhãn mà tâm ý biết được, hoặc tâm tịnh đã trải qua các Thiên định mà biết.

Câu kế tiếp khen tâm. Nói “Tâm tịnh”, là khi Phật trí đã xét biết tận nguồn gốc sự vật thì không còn pháp giới hoặc nữa, nên nói là tâm

tịnh. “Đã trải qua các thiền định” là luận chung về Thiền định đều thông cả nhân quả. Nên trong Đại kinh có nói: Đại Niết-bàn gọi là “Hang sâu Thiền định”, đâu lại được khen là tâm tịnh đã trải qua các Đại Niết-bàn. Nay xét theo nghĩa riêng thì thiền định căn cứ vào nhân, còn tâm Phật là dựa vào quả, quả nằm ngoài nhân nên nói là đã độ.

Hỏi: Do đâu mà biết thiền gọi là nhân?

Đáp: Đại Luận có nói: “Thiền Trung hoa nói là tu tư duy”, nhưng tâm Phật là gương trí tròn sáng đâu có phát ra tư duy, Phật là bậc Vô học rốt ráo đâu được nói là tu. Lại dịch là bỏ ác. Như Lai là bậc Thuần tịnh còn ác nào mà bỏ. Nên trong Đại kinh có nói: “Có chỗ đoạn trừ thì gọi là Thượng sĩ, không còn chỗ đoạn trừ thì gọi là Vô thượng sĩ.” Cho nên các nghĩa tư duy đều là nhân.

Xét về giáo, thì tâm của Phật Tam tạng giáo không có tập khí nên gọi là tâm tịnh, Tứ thiền Tứ không luôn quán luyện luân tu, dứt hẳn pháp ái nên gọi là đã độ, chỉ có lực Vô úy không thể đảnh chiếu. Tâm của Phật Thông giáo, chiếu suốt cội nguồn Chân đế, tập khí nội giới dứt hết, đối với các thiền định đều tự tại vô ngại, mười lực Vô úy cùng một lúc chiếu vào cảnh, nên gọi là đã độ. Theo Biệt giáo, trí duyên tu hiển bày tâm tự tánh, thanh tịnh, mười hai phẩm vô minh rốt ráo dứt hẳn. Kinh Địa Trì nói: Chín thứ Đại thiền, Bồ-tát nương vào thanh tịnh thiền thứ chín mà được quả đại Bồ-đề, hơn cả thanh tịnh nên nói là đã độ. Đây là căn cứ theo trước Điamà tu tự tánh thiền. Đẳng địa được tất cả thiền cho đến bậc Đẳng giác trụ ở thanh tịnh thiền, đoạn dứt mười một phẩm vô minh mà vào trùng huyền môn nên gọi là thanh tịnh thiền, Phật quả hơn cả nên nói là đã độ. Về Viên giáo, thì sáu căn thanh tịnh tức là tự tánh thiền, sơ phát tâm trụ tức Nhất thiết thiền, khi đã rốt ráo lìa bỏ các hư vọng thì hiển bày tâm tự tánh thanh tịnh. Như thế cho đến thanh tịnh thiền phá tan bốn mươi một phẩm vô minh mà trụ vào địa Vô cấu. Tâm Như Lai tịnh trải qua các thiền định này mà lên quả Diệu giác, nên nói là đã độ. Cho nên kinh Kim Quang Minh có nói: “Khi đó Đức Như Lai đạo khắp vô lượng pháp tánh, rất sâu hơn các sở hành thanh tịnh của Bồ-tát đã làm.” Kinh Anh Lạc nói: Thuở xưa ở hội Hoa nghiêm nói tập hợp chúng Bát thiền tức tám thiền trước vì nói kinh Hoa Nghiêm, để được nhập vào thanh tịnh thiền mà trụ ở địa Vô cấu. Thường Theo thì hàng Thanh văn còn như cầm điếc, thì Bát thiền ngoại đạo sao có thể tập hợp nghe kinh được.

Nếu căn cứ heo quán tâm, một tâm ba quán thì tâm mỗi mỗi chúng sinh tức là tâm Như Lai, bốn tánh thanh tịnh nên nói là tâm tịnh có thể

vượt qua sự thiền nên nói là đã độ.

Hàng thứ hai: Khen ích lợi về tiếng của việc hóa tha Từ ““Tích chứa đã lâu”... một câu): Sở dĩ như thế, vì từ lâu tu thiền, trong thì thành tựu tướng hảo, ngoài đủ các thần thông, xứng hợp tình ý muôn vật. Lại từ vô lượng kiếp đến nay luôn tu trí tuệ, trong luôn lìa bỏ các kiết, xứng lý pháp tướng nên được tịnh tâm trải các thiền định, ngoài xứng hợp với vô lượng căn duyên chúng sinh, có thể đối với bốn bất khả thuyết dùng bốn Tát-đàn mà khởi bốn đạo giáo hóa độ tất cả chúng được bốn diệt lý, nên nói là giáo hóa các chúng đã xong. Lợi ích của hình và tiếng về ân đức độ sinh rất nặng nên cần kính trọng cúi đầu. Lại nên hiểu Bát-nhã hướng dẫn đến khi chứng quả liền ngưng dứt, nên nói là đã xong. Câu trên là giải thích mắt sạch rộng dài, câu dưới là nói tâm tịnh đã độ.

Từ “đã thấy” trở xuống bảy hàng rộng khen về hình tiếng .. có hai phần:

- a. Rộng khen ích lợi về hình “năm hàng đầu”.
- b. Rộng khen ích lợi về tiếng “hai hàng kế”.

Đã thấy đại chúng: Thấy sắc dụng thân biến của Phật, tức là sắc của pháp thân thanh tịnh vô ngại giống như châu như ý cũng như gương sáng, cho nên việc phóng quang, đất chấn động và mười phương cõi Phật đều hiện ra. Đó là sắc tất cả hướng đến. Sắc là tạng bất tư nghị, sắc là pháp giới hải, vì nó rộng lớn như hư không không bờ mé cho nên ước về sắc mà khen dụng của công đức.

Từ Trong đó chư Phật... trở xuống một hàng... là giải thích việc thành tựu sắc dụng Nếu không do thần lực của Phật gia bị cho hội này thì đâu thể thấy được chư Phật ở phương khác và nghe được Phật nói pháp. Như trong kinh Pháp Hoa, Phật dùng thần lực khiến chúng thấy được trăm ngàn vạn ức cõi nước và Bồ-tát trên không trung.

Hỏi: Đây là lý do hiện tướng biểu thị sao được là nguyên do biểu thị gần?

Đáp: Có Luận sư nhầm bảo là hợp lọng thì hiện cõi nước. Nay tìm thấy văn kinh không phải thế. Đây là khen nói kinh Phổ Tập mà hiện tướng, không phải là hợp lọng hiện tướng lành. Hợp lọng hiện tướng lành thì như đoạn kệ sau nói: “Nay dâng Thế Tôn lọng nhỏ này, trong đó hiện ra tam thiên giới” mới chính là khen tướng biểu thị.

Từ “Pháp vương pháp lực...” một hàng trở xuống là khen tâm dụng của Phật . Nói Pháp vương, là được Tam-muội vương Tam-muội nên gọi là Pháp vương. Pháp lực là vì đối với hai đế, ba đế, bốn thứ Tứ đế, tất cả các pháp đều rất tự tại . “Vượt cả quần sinh”, là tâm Phật

thanh tịnh vượt ngoài hai thứ sinh tử, biểu thị việc ra khỏi mười giới.

“Thường dùng pháp tài thí cho tất cả” là đem Thất Thánh pháp tài bốn loại Đạo đế luôn bố thí cho mười giới tùy ý xứ dùng.

Hỏi: Pháp tài là thuộc dụng của sắc hay của tâm?

Đáp: Tài chung cho sắc và tâm, như các ngài Vô Tận Ý và Tịnh Danh bố thí đều gọi là pháp thí. Nhưng căn cứ ở tâm, sắc, tiếng của năng thí thì đều là thuộc pháp tài thí.

Từ “Khéo phân biệt... trở xuống một hàng là xét theo hai trí lấy đógải thích về dụng của tâm “ pháp thí và tài thí) xác định thành nghĩa của pháp thí. Quyền trí thì phân biệt pháp tướng thế đế, thật trí thì đối với Đệ nhất nghĩa mà bất động.

Hỏi: Ở trên phần nhiều phán định theo ba đế, nay sao lại được dùng hai đế mà khen?

Đáp: Hợp chân vào trung, hợp chân vào tục là hai đế của Thông giáo Biệt giáo, theo huyền văn tinh giản. Lại giải thích nếu tùy tình mà biện tức là thật trí vắng lặng mà thường chiếu. Thế nên khen nói “đối với Đệ nhất nghĩa mà bất động.

Từ “Đã đối với các pháp... một hàng trở xuống” là kết phần khen dụng của sắc và tâm. Đã đối sắc pháp mà được tự tại nên có thể chuyển biến khắp hiện cõi Phật. Đã đối với tâm pháp mà được tự tại nên hai đế khai hợp tùy cơ hội vật. Công dụng của sắc và tâm đã hoàn bị chính là nơi đáng để quy y, do đó mà kính thành cúi đầu.

Từ “Nói pháp chẳng có...” hai hàng là rộng khen ích lợi của tiếng. Thuật lại ở trên khen bốn chúng vây quanh vì họ nói pháp. Trước hiện tướng tôn quý là biểu thị nói pháp Đại thừa. Nay cũng hiện nói pháp biểu thị sẽ nói về y độ, chứng nghiệm là Không nói gì khác, do đó dùng làm tựa khiến có lời khen này.

“Chẳng có chẳng không”, tức là pháp Trung đạo. “Chẳng có” nên không phải tục, “chẳng không” nên chẳng phải chân. Song nói pháp vốn căn cứ ở hai đế, đã không phải hai bên thì là nói pháp gì? Nên biết đó là nói Trung đạo Đại thừa. Vì sao? Vì phạm phu là “Có”, Nhị thừa là “không”, còn Bồ-tát thì chánh quán Trung đạo Phật tánh. Thế nên Phương đẳng vì các Bồ-tát mà nói nhiều về pháp môn Trung đạo bất nhị. Cho nên nói “Chẳng có cũng chẳng không”.

Hỏi: Trên đã dùng hai đế để khen Phật trí nay nói pháp sao căn cứ theo ba đế?

Đáp: Có, không là tục, Trung đạo là chân, tức là hai đế.

Hỏi: Ngoại đạo cũng nói Thần và thế gian không phải thường,

không phải vô thường tức là Không phải có không phải Không. Tiểu thừa cũng vì Xa-nặc mà nói lia có, không. Nay vì sao được nói chỉ là Đại thừa?

Đáp: Phạm phu ngoại đạo còn không thấy “hiểu) được lý không vô của chân đế, hướng là thấy lý không phải Không. Trong kinh Thanh Văn nói không phải có không phải Không là thấy lý không của chân đế mà đâu từng thấy được Lý trung không phải Không. Căn cứ giáo mà nói hai thứ “Không phải” chẳng giống nhau. Nếu ngoại đạo cho rằng câu song phi đầy đủ đơn, phức và bất khả thuyết... đều là vọng tìn thì không thấy được lý “không”, không thoát khỏi sinh tử. Họ thấy “khôn” còn chẳng được hướng là thấy “chẳng phải Không” thấy đều bị Tam tạng giáo hữu môn phá bỏ. Tam tạng giáo phá kiến gồm có bốn môn. Vì Xa-nặc mà nói kinh lia có, không thì chỉ là môn “chẳng phải có, chẳng phải Không” thôi. Nếu được phương tiện từ môn vào lý thì chỉ gọi là “chẳng phải có” chứ không gọi là “chẳng phải Không” ô. Nếu không được phương tiện thì rơi vào chấp có, không đồng như ngoại đạo. Giả sử có vào Lý cũng không phải chẳng có chẳng không của Đại thừa Thông giáo quán Sắc... đều như huyền hóa không nói có, không. Nếu từ môn mà vào lý thì đây tức là môn “chẳng phải có, chẳng phải Không”. Nếu hướng về người Thông giáo hoặc nghe nói thấy Lý hoặc chấp là bị lửa hý luận tà kiến thiêu đốt. Giả sử có vào lý thì cũng không phải là chẳng có chẳng không của Trung đạo Biệt giáo quán Trung đạo, ước phá hai bên nói “chẳng phải có, chẳng phải Không”, thì đây là theo bốn môn của Tạng tánh mà nói “chẳng phải có, chẳng phải Không”, khác xa hai giáo trước, nếu được vào Lý thì không cần phá. Nếu chưa ngộ là luận ngu si không phải thật là chẳng có chẳng không của Trung đạo. Về Viên giáo tuy có bốn môn, mà một môn tức là bốn môn, bốn môn tức là một môn, có, không bất định, không có chỗ nương cậy, đem cái tâm hư dối này rộng trong thấy Trung đạo, nếu ở đây còn đăm trước thì vẫn cần phải phá, hướng là các thứ khác. Nay nhất bỏ các đối trá để chỉ rõ các chân thật mà được ý viên giáo “chẳng có, chẳng không” là để khen cái Thắng ứng thân chẳng có chẳng không vậy. Lại nữa, ba thứ đều “phi” ở trước là quyền, viên giáo là thật. Quyền thật đều nói, nên nói “thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không” ết pháp về duyên khởi. Duyên khởi có hai đã như trước nói. Nay khen thì ý đầy đủ gồm hai thứ này. Song thể nó không phải là có, không thì đâu thể có sinh. Vì có nhân duyên cho nên cũng nói. Vì thuận theo nhân duyên nội giới vô minh thì hai thứ khổ, tập sinh ra, khi nhân diệt vô minh thì hai đạo diệt sinh ra. Ngoại

giới cũng chuẩn theo đây mà nói. Cho nên nói do có nhân duyên mà các pháp sinh ra.

“Không có ngã, không tạo tác, không thọ nhận”, một câu này là kết nghĩa “chẳng phải có, chẳng phải Không” lại phối hợp bốn giáo mà nói bốn thứ vô ngã vô thọ...

“Thiện ác không mất... một câu” là kết do nhân duyên mà các pháp sinh ra. Vô minh của Thông giáo biệt giáo là ác của nội ngoại giới thì hai xứ khổ tập không tiêu mất. Nếu vô minh của thông giáo Biệt giáo mất thì hai xứ đạo và diệt không tiêu mất. Nhân duyên sinh diệt do đây mà biết.

“Mới sinh tại Phật thọ... trở xuống tám hàng”, là khen Liệt ứng thân làm nguyên do xa. Có hai phần: Hai hàng đầu là khen ích lợi của hình, sáu hàng sau là phần khen ích lợi của tiếng. Khen ích lợi của hình có hai:

- a. Khen ứng sắc.
- b. Khen ứng tâm.

Phật thọ, là ngồi dưới cây này mà thành Phật. Có người nói là Nguyên cát, cũng gọi là Bồ-đề. Khi mới thành đạo, Phật đến ngồi dưới cây này. Ma sợ ngài thành đạo sẽ hóa độ quyến thuộc mình khiến trống cung điện. Bèn trước sai ba cô gái, nhưng Bồ-tát tâm vẫn an không thể quấy động. Ma vương càng giận bèn đem cả tám mươi ức quỷ thần binh chúng ở Dục giới đến chỗ Bồ-tát, nhưng cuối cùng đều bại tan “nói đầy đủ trong kinh Thụy Ứng)

Cam lộ diệt. Ma vương đi rồi, đến giữa đêm Bồ-tát nhập vào Tứ thiền ba mươi bốn tâm thấy rõ lý Tứ đế, gọi là được cam lộ, các chánh tập khí đều dứt hết nên gọi là diệt, thành giác đạo là vì Tứ đế phát khởi, chân kiến Đệ nhất nghĩa, lúc đó sáng suốt đại ngộ, biết thường và vô thường, biết chúng sinh số và phi số đủ các pháp như Lực, Vô úy... gọi là Thành tựu giác đạo, thần lực hàng ma, là thần thông, tức là dụng của công đức sắc pháp .

Đã không tâm ý... một hàng, là khen ứng tâm. Không tâm ý... là khi được cam lộ rồi, thì thấy ái bốn ấm điên đảo, đều mất, nên gọi là Không tâm ý. Bởi sao? Vì nếu có tâm ý liền có tâm điên đảo, điên đảo tức là ba thọ, thọ tức ba khổ, tức là Khổ đế. Hành tức là hành ấm, suy nghĩ luôn tạo nghiệp. Nghiệp chiêu vời sinh tử tức là Tập đế. Không tâm thì không có thọ, không thọ thì không hành, không hành thì không nghiệp, không nghiệp nên không tập. Không tập thì không khổ. Khổ tập nếu diệt tức là được cam lộ diệt thành tựu giác đạo. Kinh Đại Phẩm nói:

“Năm thọ năm hành.” Hành là Tập đế, Tập đế đã đoạn nên Phật không tâm ý. Không tâm ý nên không có năm kiến thọ hành, nên thường phá được năm kiến thọ hành của ngoại đạo. Tuy không có thọ hành nhưng vì điều phục ngoại đạo mà nói năm môn của Tam tạng giáo, như việc Phật phá Trường Trảo nói rằng: Ông có thấy thọ không? Ông có cái thấy không thọ thì trở lại thành thọ, thọ tức là khổ thì đâu khác gì ai, mà dựa vào chỗ không thọ rồi kiêu mạn, khinh chê người khác. Khởi thân, khẩu, ý hành, hành thành thì gọi là tập, tập chiêu cảm sinh tử đâu phải là thật tướng? Trường Trảo tin phục bèn được pháp nhãn tịnh, Hàng phục các ngoại đạo khác đều theo cách này.

Hỏi: Trường Trảo là việc sau này, đây là khen nói trước khi chưa chuyển pháp luân hàng phục ngoại đạo, đó là những ngoại đạo nào?

Đáp: Xưa có nói: Thuở xưa khi Phật còn là phàm phu theo Tiên A-la-la học tám thứ thiên định, Bồ-tát không có ý học ông ấy, chỉ vì hóa độ ông ta thôi. Nay cho là trái lời kệ khen. Kệ nói Phật hàng ma khi chưa thành đạo, thành đạo rồi mới hàng phục ngoại đạo. Vì sao được cho rằng lúc ngài còn phàm phu thọ lạc tám thiên để hàng phục ngoại đạo. Lại e là lúc Như Lai mới thành đạo xong chưa chuyển pháp luân, bèn vì nói cho trưởng giả Đề Vị về năm giới, chống lại thói quen của ông mà luận về ngũ hành, lục giáp, âm dương, lịch số... Khi ông tin phục liền khiến quy y Phật pháp và dạy nếu sau này có Tăng thì ông nên quy y. Trưởng giả Đề Vị được Sơ quả, Phật không có tâm thọ hành về ngũ hành lục giáp, chỉ vì muốn hàng phục nên phải nói ra. Xét theo kết tập pháp tạng thì nói từ Ba-la-nại đến đêm Niết-bàn, kết làm Tu-đa-la tạng, cho nên biết hàng phục Đề Vị là trước khi chuyển pháp luân. Từ đó trở về sau đều lấy pháp Không thọ mà phá các ngoại đạo, cũng đúng như cách hàng phục Trường Trảo.

Từ “ba lần chuyển pháp luân” trở xuống đi sáu hàng là phần khen ích lợi về tiếng.

- a. Hai hàng đầu khen về chuyển pháp luân.
- b. Hai hàng kế là khen trời, người nhận được lợi ích pháp diệu.
- c. Hai hàng sau là kết khen.

Nói về ba lần chuyển pháp luân, tức là đến Ba-la-nại nói Tứ đế sinh diệt. Luân là Phật đã chứng Tứ đế, pháp có nghĩa có thể chuyển đi nên gọi là luân. Lại giải thích do có thể phá hoại các phiền não nên gọi là luân, vì như xe báu của vua có thể phá hoại địch oán. Pháp luân báu của Phật có thể phá hoại phiền não nên gọi là pháp luân. Đức Như Lai thành đạo trải qua hai mươi một ngày mới đến thành Ba-la-nại. Đời

đời tuy không thể nói nhưng dùng Tất-đàn phương tiện phù hợp tiểu cơ Trời, người mà nói Tứ đế chuyển vào tâm họ để phá các phiền não của họ nên gọi là chuyển pháp luân.

Ba lần chuyển là:

a. Thị chuyển “chỉ bày) tức bảo: Đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo.

b. Khuyến chuyển, tức đây là khổ nên biết, đây là tập nên đoạn, đây là diệt nên chứng, đây là đạo nên tu.

c. Chứng chuyển, tức đây là khổ ta đã biết, đây là tập ta đã đoạn, đây là diệt ta đã chứng, đây là đạo ta đã tu. Thị chuyển là chỉ cho kiến đạo, khuyến chuyển là chỉ cách tu đạo, chứng chuyển là chỉ cho Vô học đạo là pháp luân. Là ba lần chuyển mười hai hành. Chuyển lần đầu thì sinh nhãn trí minh giác. Ngài Đàm-vô-đức giải thích ba chuyển không đồng sự như nói riêng biệt. Nói “đại thiên, tức là thế giới Ta-bà cõi nước của Đức Phật Thích-ca, tức nơi hóa độ khi chuyển pháp luân. Luân “xe) ấy xưa nay vốn thường thanh tịnh, như trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh. pháp luân Tứ đế không có cấu của kiến tư nên gọi là bốn tịnh. Lại giải thích đời đời không thể nói mà nói Tứ đế. Không thể nói tức là chân đế, nó không có khổ tập nên nói là bốn tịnh. Như trong Đại Tập có nói: Kiều-trần-như đã nhận được tri kiến chân thật.

Hỏi: Trần-như kiến chân thật như Thành Thật luận chẳng?

Đáp: Trần-như nương vào hữu môn, Thành Thật luận là Không môn. Giáo môn tuy khác nhưng kiến chân là một. Không môn được đạo là ngài Tu-bồ-đề. Trời, người được đạo, trời là tám vạn chư Thiên, người tức là bọn Câu-lân “Kiều-trần-như) năm người, năm người nghe pháp đầu tiên được kiến đế, tám vạn chư Thiên được pháp nhãn tịnh. Có người nói Câu-lân được đạo trước còn bốn người kia đến mùa Hạ mới được. E là kinh luận nêu ra khác biệt không đồng. Chính kinh này nói: “Trời, người được đạo, Tam bảo hiện ở đời.” Nếu bốn người không được kiến đạo tức không phải kiến đế được giới. Chỉ một mình Câu-lân thì không thể gọi là Tăng bảo. “Đây làm chứng”, Đức Phật nói pháp thấy đều khế lý khế duyên, không phải như bọn lục sư còn vọng nói ra không thể lường cho người được đạo.

“Tam bảo do đó hiện ra thế gian, là Không căn cứ nhất thể Tam bảo. Vì sao? Vì khi bắt đầu giác đạo thì mới có Phật bảo, ba lần chuyển pháp luân tức là Pháp bảo, Câu-lân-như... thấy Đế được giới đó là Tăng bảo. Sau khi Đức Phật Ca-diếp diệt độ thì Tam bảo ẩn mất, chỉ có cự y. Nay Phật ra đời Tam bảo mới đầy đủ.

Từ đem pháp diệu này... trở xuống hai hàng Khen pháp diệu trời, người được lợi : là Tứ đế sinh diệt là pháp diệu, vì hay khiến tất cả chúng dứt bỏ thân cũ không tạo thân mới, nên gọi là pháp diệu. Một khi thọ nhận pháp ấy thì không thoái chuyển luôn được vắng bật, tức là khi mới thấy Thánh đế thì vĩnh viễn không thối thất. Nếu Thế trí đoạn hết các kiết, thì khi gặp duyên liền khởi, nay là Vô lậu trí, dứt hết các hý luận, rốt ráo không khởi nên nói là luôn vắng bật. Đại kinh có nói: Thầy thuốc thế gian trị bệnh, bệnh hết lại sinh, Như Lai trị bệnh rốt ráo, không phát sinh nữa, nên nói là luôn vắng bật. Xét thấy ở cõi Ta-bà có người được đạo Tận trí, nhưng cũng còn thoái chuyển, thoái về bậc Sơ quả. Ngài Đàm-vô-đức nói thấy “Khôn” được đạo thì hoàn toàn không còn thoái chuyển. Tuy giáo không giống nhau nói về kiến đạo nhưng nghĩa không thoái chuyển nó không khác. Nay ý của kệ chính thức khen kiến đạo không thoái chuyển là chỉ cho hàng phàm phu. Bậc Đại y vương độ thoát lão, bệnh, tử. Câu này là khen chung về pháp của Y vương nhân do Phật nói. Phật đã tự mình vượt qua tam giới suy tư về lão, bệnh, tử, rồi còn có thể nói pháp khiến cho chúng sinh cũng thoát được cái chết trong ba cõi, một khi thọ nhận không còn lui sụt nên gọi là Đại y vương.

Nói “Thường nên kính lễ”, là chúng sinh có vô lượng bệnh thì thuốc pháp của Phật cũng vô lượng như biển cả, thế nên cần phải quy kính.

Từ “chê khen không động”... xuống hai hàng là Kết khen chung Khi đức Phật bằng sanh thân tám gió không thể lay động mà luôn dùng đức ba niệms đại bi, nên cô gái Bà-la-môn vu cáo chê bai Phật mà Phật không buồn khổ, được các trời Đại phạm khen mà Phật cũng không mừng, bất động trước tám gió như núi Tu-di, là khen về đoạn đức, đối với thiện và bất thiện đều dùng lòng từ, là khen về trí đức. Ba lần xoa đánh La-hầu-la, ba lần quở trách Điều-đạt. Quở trách để làm cho cải ác, xoa đánh để làm cho tinh tiến tu thiện. Là chỉ một Từ tâm mà thôi. Tâm hành bình đẳng, tức là căn cứ theo ba niệms xứ mà nói về bình đẳng:

1. Thoa hương bên trái.
2. Dao cắt bên phải.
3. Không thoa không cắt thấy đó là bình đẳng Không có tướng khác.

Đây là căn cứ vào sắc pháp làm ba Niệms xứ. Gặp pháp thuận ta không mừng, gặp pháp trái ta không giận, gặp không trái không thuận

luôn hành tâm xả, đây là xét theo tâm pháp mà nói ba Niệm xứ. Tâm Phật đối với Từ niệm này thì bình đẳng. Người là của báu, tức là người trí, vì luôn phân biệt chân ngụy nên người nghe tôn kính vâng theo.

Từ “nay kính dâng... trở xuống mười chín hàng là phần kệ thứ hai chính khen việc hiện tướng lành là phần kệ thứ hai. Lại chia làm hai phần nhỏ:

- a. Bốn hàng đầu khen chung việc hiện tướng lành.
- b. Mười lăm hàng kế, khen riêng ba bí mật của Phật.

Bốn hàng đầu, lại chia làm ba phần:

1. Nửa hàng đầu là khen việc dâng lọng.
2. Hai hàng rưỡi tiếp là chính thuật lại việc biểu hiện tướng lành hợp lọng.
3. Một hàng sau là nói đại chúng vui mừng.

- Dâng lọng nhỏ, nhỏ là nói nhân nhỏ có quả nhỏ. Lớn là biểu thị cho quả lớn không thể nghĩ bàn, Tịnh độ, không giới hạn phương cõi, khó lường.

- Nói việc dâng lọng, bên trong có hiện cõi nước Phật và Phật nói pháp Từ “hiện tam thiên giới”... hai hàng rưỡi là biểu thị nói Ứng độ, Ứng thân. Thương xót mà hiện, là lòng từ nghĩ đến chúng sinh. Muốn nói cho nghe nhân quả Phật quốc này, nên trước hiện tướng lành để khấn những người tiếm căn được mở mang, nên nói thương xót mà hiện.

- Từ “chúng thấy”... một hàng đại chúng khen chưa từng có là mười lăm hàng tiếp theo từ “Đại Thánh”v.v... trở xuống khen riêng ba bí mật của Phật là Gồm ba phần nhỏ.

1. Hai hàng đầu khen thân Phật bí mật.
2. Sáu hàng kế khen khẩu bí mật.
3. Bảy hàng sau khen ý bí mật.

Ba mật tức ba luân bất tư nghị hóa, tức ba thứ không lỗi, ba thứ không cần giữ gìn “Bất hộ”. “Đại Thánh Pháp vương được mọi người quy kính, là khen Pháp thân thắng ứng. Hoặc Pháp thân Tam-muội, Vương Tam-muội, ba đế tự tại là chỗ quy kính của Bồ-tát bốn mươi mốt tâm Thánh chúng. Và bốn bộ còn lại, tức là đã nói ở phần trước. Đức Phật ngồi yên trên tòa Sư tử bằng các báu che tất cả đại chúng đến nghe, nên được chúng quy kính. Tịnh tâm, tức là cơ phát của bốn chúng Đại thừa, tâm không nghi ngờ, vẫn đực muốn nghe Tịnh đạo hoặc cũng là các Đại Bồ-tát dùng tịnh tâm nhập quán Phật Tam-muội, nên nói là tâm tịnh.

- Khen thân mật mỗi người đều thấy Đức Thế Tôn ở trước mặt.

Đây là nói Ứng thân đối với mười pháp giới, ai cũng thấy đồng nhau. Cũng như chỉ một mặt trăng mà bóng hiện trên nhiều mặt nước. Hoặc thấy ngài là hình dạng của một Tỳ-kheo già, hoặc thấy ngài có tướng hảo quang minh, hoặc thấy thân tôn quý, hoặc thấy hiện thân lớn nhỏ cùng ngồi trên hoa sen báu, hoặc thấy thân như hư không. Đây là đức của thân bí mật. Do đó trước nói Phật ở thành Da-ly, mỗi người đều thấy không đồng nhau là ý ở đây vậy. Không cùng thấy như đây, tức thân bí mật không cùng chung cho hàng Nhị thừa và Địa dưới.

- Từ Phật dùng một loại âm thanh..." sáu hàng là khen khẩu mật có ba phần nhỏ:

Phần một: Hai hàng đầu là hai biện tài Từ, Pháp. Đồng một thứ tiếng nói tức là từ biện, mỗi người đều hiểu là pháp biện. Từ "lời", là tất cả chúng sinh khác phương, khác loài ngôn âm đều khác mà đồng với ngôn âm của mỗi loài v.v... nên gọi là từ biện. Pháp là tất cả các pháp tên gọi khác nhau các thứ không phải một mà đều có đối tượng nhận lấy. Người được Pháp biện là đều hiểu lời pháp, tức đồng với ngôn âm của họ nên gọi là Pháp biện. Phật dùng một ngôn âm mà Từ và Pháp hai thứ khác nhau đều xứng hợp với vạn vật, đó là Khẩu mật. Phật còn không phải là Phạm thiên hướng đồng với chúng sinh. Khiến cho khác tiếng nói mà hiểu, tức không phải Từ - pháp mà hiện ra Từ - Pháp là do sức của khẩu mật.

Phần hai: Từ Phật dùng một thứ tiếng nói... "trở xuống hai hàng, là khen về nghĩa biện. dùng một thứ tiếng nói pháp, người tin làm được lợi ích, tức là xét lời tìm ý được nói nguyên do thế này thế nọ tức là nghĩa. Như Lai vốn không có cú nghĩa sao lại có Nghĩa biện, mà có thể phân biệt tất cả cú nghĩa, tức là khẩu mật.

Phần ba, từ "Phật dùng một thứ tiếng nói trở xuống hai hàng" là khen Nhạo thuyết biện, xoay đổi vô cùng, chúng đều thích nghe Tứ đế hợp cơ, ta sẽ vì nói những sự sợ hãi. Cả ba cõi đều khổ. Khổ nên sinh sợ hãi, tức là Khổ đế. Cầu vui Niết-bàn. Vì vui nên hoan hỷ tức là Diệt đế. Chán lìa, tức nhân của các khổ do lấy tham dục làm gốc, tức là Tập đế. Đoạn nghi tức là Đạo.

Lại căn cứ theo Tất-đàn, thì ba cõi khổ đáng sợ tức là thế giới Tất-đàn. Vui mừng, tức Vị nhân Tất-đàn, khiến sinh thiện căn cho nên mừng vui. Chán lìa, là chán lìa phiền não, tức Đối trị Tất-đàn thuốc và bệnh đối nhau. Đoạn nghi, liền thấy Đạo đế là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, ngôn âm diễn bày với năng lực như thế. Như Lai vốn không phải chỉ nói bốn Tứ đế bốn Tất-đàn mà thôi, còn thường dùng pháp này khéo léo

làm lợi ích, tức là khẩu mật.

- Từ “Khể thủ...” bảy hàng là khen tâm mật. Tâm Phật không phải quyền, không phải thật mà có thể hiện quyền thật, tức là tâm mật. Văn này có hai phần:

Phần một: Bốn hàng đầu, căn cứ ba thứ hai trí quyền thật để khen tâm mật.

Phần hai: Ba hàng kế, căn cứ ba thứ hai để kết khen tâm mật.

Phần một có bốn hàng:

1. Hàng đầu là dựa theo nội ngoại để khen. Tự hành mười lực là y cứ nội trí viên mãn đủ, Vô úy là căn cứ vào ngoại dụng không khiếp sợ. Đây là một cặp, tức dựa theo tự hành quyền thật mà khen tâm mật.

- “Cúi đầu không cùng chung...” một hàng, là khen tự hành và hóa tha.

Không chung “bất cộng) là pháp của ự chứng. Đạo sư tức là hóa tha.

- “Cúi đầu thường đoạn...” một hàng: Đây có hai dụng. Nếu khen tự hành tức là khen trí đoạn của Phật. Thường đoạn là đoạn đức, đáo bỉ ngạn là trí đức. Như nói khen hóa tha thường đoạn các kiết trói buộc, tức là hóa tha quyền thật nói trí đoạn vậy. Chúng là: Mọi người, nên thuộc hóa tha.

Hỏi: Vì sao một kệ lại được có hai dụng?

Đáp: Đức Phật tự mình không có các ràng buộc lại có thể cởi mở các trói buộc của người khác nên có hai dụng.

“Cúi đầu thường độ...” một hàng là tổng kết ba thứ trí đoạn quyền thật nói ở trước.

Phần hai: “Đều biết chúng sinh...” ba hàng tiếp là ba thứ hai để kết khen ba thứ bí mật “thân, khẩu, ý mật”. Có ba hàng:

- Một hàng đầu là tùy tình hai đế. Vì sao? Vì tục đế vô lượng thì tâm cũng vô lượng, hoặc là cầu chân, hoặc ưa muốn tục. Tình có lấy bỏ nên nói có đến, đi. “Khử lai”. Đến lấy vô lượng thì, Phật cũng tùy theo mà khởi nói vô lượng hai đế, tức là tùy tình.

- “Không đấm trước thế gian...” một hàng” là căn cứ theo tùy tình trí hai đế. Tùy tình thì vô nhiễm, tùy trí thì không tịch. “Thấu suốt các pháp tướng.

- “Thấu suốt các pháp tướng ...” một hàng là khen tùy trí hai đế,. Những pháp gì tâm trí quán chiếu đều thâm nhập một tướng không còn trở ngại, như hư không không có nương tựa gì nên gọi là tùy trí.

Bấy giờ, trưởng giả tử... đến hết nửa phẩm mười một A-bệ Phật,

là phần thứ hai, Chánh thuyết Phân văn làm ba phần:

1. Nửa phẩm Phật Quốc, là Đại Thánh đối cơ lập tông nói nhân quả Phật quốc.

2. Từ Phương tiện đến hết phẩm Hương Tích thứ chín, là Đại sĩ giúp Phật mở mang, nói nhân quả giải thoát bất tư nghị Phật quốc.

3. Từ Bồ-tát hạnh đến hết hai phẩm A-bệ, là ngài Tịnh Danh tiếp các đại chúng trở về Am-la viên.

Như Lai đối đại chúng lại nêu lên nói nhân quả Phật quốc. Do đó Đức Như Lai phó cơ đáp lời Bảo Tích thỉnh nói về y báo, hoặc trước nói kinh Phổ Tập về nhân quả Chánh báo, nên ngài Tịnh Danh giúp Phật tuyên nói, giúp Phật nói nhân quả Phật quốc bất tư nghị giải thoát để khả ngộ cho người có duyên. Cũng như quan thượng thư phụng chỉ vua dạy dỗ dân, do đó mà trở về Am-la viên. Phật đối đại chúng nói đầy đủ về Phật quốc cũng như đại thần vì nước mở mang đất nước xong trở về triều. Đức vua vui mừng bằng lòng và ấn khả.

Hỏi: Các quả trách của ngài Tịnh Danh từ trước đây há được giúp thành giáo này?

Đáp: Phật dù chưa nói nhân quả Phật quốc nhưng ngài Tịnh Danh dự đoán ngầm biết ý Phật mà giúp thành giáo này, sao lại không được? Việc quốc chính ở ngoài thành là do tướng quân đảm trách chỉ hợp ý trời hà tất phải đợi chiếu chỉ. Nhưng đệ tử kể chuyện xưa Như Lai đã mặc nhiên ấn khả là ngầm hiểu được tâm Phật. Há không phải giúp thành giáo ngày nay, cho nên những quả trách ngày xưa là chung giúp cho Chánh báo, bây giờ nhắc lại thành Y báo hôm nay.

Hỏi: Nửa phẩm này và hai phẩm ra thất đều là Phật tự nói về Phật quốc. Trong suốt chín phẩm nói về Phật quốc mà chưa đủ nghĩa, sao được giúp thành giáo nghĩa Phật quốc?

Đáp: Trước sau Phật đều nói về Phật quốc, ngài Tịnh Danh trong khoảng đó đâu thể trái ý Phật. Như Phật đáp lời Bảo Tích nói: Mỗi mỗi các hạnh đều là nhân của cõi Phật thanh tịnh. Ngài Tịnh Danh đã nói về mỗi mỗi các hạnh, vậy sao lại không phải?

Hỏi: Trước sau Phật quốc đều là chính Phật nói, trong khoảng chín phẩm lại không có lời nào về Phật quốc vậy đâu thể giúp thành giáo nghĩa Phật quốc?

Đáp: Như phẩm Phật Quốc nói về nghĩa Tịnh độ rằng: Tùy theo Phương tiện thì thành tựu chúng sinh, tùy thành tựu chúng sinh tức cõi Phật thanh tịnh. Ngài Tịnh Danh có đại phương tiện, cho nên ở ngoài thất thì quả trách chiết phục, ở trong thất thì khuyến dụ mà nhiếp thọ.

Quở trách chiết phục thì tâm không cấu nhiễm, khuyến dụ nhiếp thọ thì các thiện trang nghiêm. Thế thì điều phục chúng sinh há hơn đây sao? Nếu chánh báo của chúng sinh thanh tịnh trang nghiêm thì y báo quốc độ đều nghiêm tịnh cả. Thế nên văn kinh nói: “Tùy thành tựu chúng sinh tức cõi Phật thanh tịnh.” Như đây mà suy thì những điều ngài Tịnh Danh nói tuy không nói rõ về nhân quả tịnh độ, nhưng theo như đã nói nhiếp phục chúng sinh thì tức là giúp Phật nói về Tịnh độ, nghĩa rất rõ ràng.

Hỏi: Nếu thế, thì Tịnh Danh giúp thành Phật quốc, hay Tịnh Danh tự mình tịnh hóa Phật quốc, hoặc giúp đệ tử Phật v.v... thanh tịnh hóa Phật quốc ư?

Đáp: Tìm kỹ lý này đều có nghĩa đó. Như kinh Pháp Hoa nói: thọ lượng của Đức Thích-ca thành Đạo đến nay rất lâu xa, nay phân thân Phật ở mười phương Tịnh độ mà nói pháp, ở vị lai cũng thế. Đây giống như ý nghĩa Tịnh Danh giúp thành cõi Tịnh độ của Thích-ca. Ngài Tịnh Danh đã có thể chiết phục nhiếp thọ những kẻ có duyên, nếu ngài Tịnh Danh thành Phật thì họ sẽ đến sinh vào nước ngài, tức là Tịnh Danh có thể điều phục chúng sinh để cõi Phật tịnh. Đệ tử Bồ-tát cũng nhận sự chiết phục để điều phục chúng sinh. Chúng sinh đã nhờ các đệ tử Bồ-tát mà dứt ác sinh thiện. Các đệ tử đó sau khi thành Phật thì các chúng sinh được điều phục kia sẽ sinh vào cõi nước ấy. Cho nên nói, tùy theo chúng sinh được điều phục thì cõi Phật thanh tịnh.

Hỏi: Bồ-tát thì có thể như thế, còn Thanh văn chọn lấy diệt độ đâu thể có nghĩa này?

Đáp: Vì thế nói tìm kỹ lý đó mới có nghĩa này. Như kinh Pháp Hoa phát khởi dấu tích Thanh văn khen nói ít dục, chán sinh tử, thật và là tự tịnh cõi Phật. Lại ở phẩm Thăm Bệnh, ngài Văn-thù mới đến thất trống của ngài Tịnh Danh biểu thị Phật quốc là Không, nhân đây luận trở lại về nghĩa Phật quốc. Kế đến là phẩm Bất Tư nghị có nước Tu-di đấng vương, đến phẩm Hương Tích hiện ra nước Chúng hương. Nếu đây không giúp Phật nói nhân quả Phật quốc là tông chỉ của kinh này. Nếu không cho nhân quả Phật quốc dùng làm tông chỉ của kinh này, thì tại sao từ xưa nay phân đông đều nói sáu phẩm trong thất, nhân thất trống mà có, sáu phẩm đã nhân đây mà sinh há không phải là từ Phật Quốc sinh ra? Ngài Tịnh Danh giúp thành nghĩa Phật quốc là tông chỉ nghĩa ấy rất rõ ràng.

Hỏi: Kinh này nói bất tư nghị giải thoát thì có liên quan gì đến nghĩa Phật quốc?

Đáp: Phẩm Bất Tư nghị có hạt cải dung nạp núi Tu-di, biển cả ở trong lỗ chân lông... đều là căn cứ vào Y báo mà hiển bày việc bất tư nghị.

Xét nửa phẩm này “Phật Quốc) có hai phần:

a. Bảo Tích thỉnh nói

b. Như Lai đáp lời.

- Phần a, có hai:

1. Đồng loại có thể nghe.

2. Chính thỉnh Thế Tôn, nói.

- Nói vì trước đã phát tâm nên có thể nghe, nói: A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề Tâm, Hán dịch là Vô thượng chánh biến tri đạo tâm. Nhưng phát tâm có ba:

1. Danh tự.

2. Tương tự.

3. Phần chứng.

Nay năm trăm trưởng giả tử là ở ngôi vị Tương tự phát. Do đâu mà biết? Vì đoạn văn dưới nói khi Phật hiện Tịnh độ thì mới được vô sinh, đó là phần chứng. Nói tương tự thì mỗi vị Thông, Biệt Viên đều xét theo nội phàm.

Hỏi: Vì sao chỉ căn cứ vào tương tự phát?

Đáp: Hàng Thanh văn Căn tuệ, hàng Bồ-tát phục nhẫn đều chưa có nghĩa “phát.” Nếu Thanh văn tánh địa, Bồ-tát nhu thuận thì mới có nghĩa phát, cho nên phần nhiều đều y cứ theo nghĩa này mà nói ngôi vị phát tâm.

“Nguyện nghe được Phật...” là Chánh thỉnh, Bảo Tích và đồng loại đã có căn cứ có thể nghe, người có căn cứ vượt trội thỉnh nói nhân quả Phật quốc.

- Phần này có hai:

1. Xin được nghe cõi Phật thanh tịnh tức là xin nói quả.

2. Xin nói Bồ-tát hành Tịnh độ, tức là xin nói nhân.

Nếu luận theo thứ tự thì nên nói nhân trước quả sau. Nay vì chúng nghe pháp do thích quả mới tu nhân, do đó trước thỉnh nói quả sau mới thỉnh nói nhân. Sở dĩ nói lời thỉnh này là vì nhìn lên thấy Phật hợp lộng và hiện các tướng lành nên biết Phật muốn nói về quả Phật quốc mà hiện ra tướng này, nên thỉnh nói quả. Kế thỉnh nói nhân là vì quả Phật quốc ắt phải nhờ nhân thù thắng, đại chúng nếu nghe quả tịnh quốc thì mến quả mà tạo nhân, nên thỉnh nói nhân.

“Phật nói lành thay”... là phần hai của nửa phẩm Phật quốc Phật

đáp lời. Có bốn phần:

- a. Khen nhận.
- b. Khuyên nghe.
- c. Trao lời.
- d. Phật chánh đáp.

“lành thay”, là khen nhận. Sở dĩ Phật khen nhận, là vì Bảo Tích thưa hỏi ý biểu thị của việc hiện tướng lành, lại vì đồng bạn xin được giải thích nên Phật nhận lời.

Từ: “Lắng nghe... đến vì ông mà nói” là khuyên người nghe pháp nên lắng nghe và gắng nghĩ nhớ để sinh ba thứ tuệ lành. Lắng nghe thì sinh văn tuệ. Khéo suy nghĩ thì sinh tư tuệ, nhớ nghĩ thì sinh tu tuệ. Nếu nghe mà không không chú ý thì không được thấm nhuần lợi ích. Nếu nghe mà không suy nghĩ thì không thấy rõ được chỉ thú, nếu suy nghĩ mà không tu thì trọn không được chứng lý. Nếu ba thứ tuệ ấy đầy đủ thì việc nhập đạo không còn nghi ngại gì. Do đó khi đến nghe, nhận ba điều dạy mà nghe, tức là vâng giữ đúng ba tuệ mà Phật đã khuyên dạy.

Từ “Phật nói” trở xuống là Phật chính thức trả lời. Có năm phần:

- a. Phật chính thức trả lời.
- b. Xá-lợi sinh nghi.
- c. Phật giải thích.
- d. Phạm vương tự kể để làm sáng tỏ lời Phật răn.
- e. Phật hiện Tịnh độ chúng được lợi ích.

Phần a có hai:

1. Đáp quả.
2. Đáp nhân.

Đáp quả lại có hai:

1. Chánh đáp.
2. Thí dụ.

Chánh đáp có ba:

- a. Nêu chương tổng đáp.
- b. Giải thích riêng.
- c. Kết.

a. Nêu chương tổng đáp: Văn kinh nói: loại chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát nghĩa là. Bồ-tát từ chỗ thông suốt đến tịch cảnh trí đều quên vì không độ nào là Không phải độ, chỉ vì hóa sinh mà có cõi Phật. Cho nên nêu loại chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát. Những cõi không tồn tại ở Bồ-tát chúng sinh cũng không phải cùng lia hẳn vắng lặng như hư

không không thể nói bày, mà là dùng Tất-đàn phương tiện tùy ý phó duyên tự tại không lầm lỗi như trước đã nói. Nay căn cứ ở đối tượng được hóa độ nên nói chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát. Về nghĩa chúng sinh như trước đã nói trong mười giới. Nói loại, tức là khí loại, khí loại biên không nhưng chính yếu không ngoài hai thứ là hữu vi duyên tập và vô vi duyên tập.

Hữu vi, tức là cõi nước nhiễm tịnh ở nội giới, mê chân trệ hữu mà khởi các kiết nghiệp, nhận lấy phần đoạn sinh tử, đều là loại này.

Vô vi, tức là Hữu dư quả báo của ngoại giới và chia ra trung hạ tịch quang. Ba cõi này chúng sinh còn mê Trung đạo Phật tánh, trệ ở vô vi duyên tập, khởi các kiết nghiệp, chịu biến dịch sinh tử, đều là loại này.

Xét theo giáo mà luận, thì hữu vi duyên tập của Tạng Thông tức là loại sinh diệt vô sinh, về vô vi của Biệt Viên tức là loại vô lượng, vô tác. Cho nên căn cứ bốn giáo mà mở ra hai loại duyên tập và bốn thứ chúng sinh.

Hỏi: Nói về ba cõi nhận quả báo không đồng nhau, chỗ ở đều khác, vì sao đều đồng là vô vi duyên tập?

Đáp: Đồng là mê lý đều là vô minh biến dịch sinh tử, nên chung là một loại.

Hỏi: Nếu thế, vì sao lại phân biệt làm ba cõi bất đồng?

Đáp: Năm bậc người hữu dư tuy đồng thấy chân và các nội giới hoặc đã dứt hết nhưng chưa thấy Trung đạo, đoạn tập hữu vi nên đồng sinh vào hữu dư chịu biến dịch sinh tử, gọi là phương tiện sinh tử. Về hai giáo Biệt Viên đoạn các thông hoặc, là thấy Không và Bất không. Vì thấy không nên đoạn tập hữu vi và thấy chẳng không nên xâm nhập vào tập vô vi. Nếu từ bậc Sơ trụ, Sơ địa cho hết Địa thứ chín oạn tập vô vi, thì đồng chịu quả báo biến dịch sinh tử, cũng gọi là Nhân duyên sinh tử. Nếu Thập địa trở xuống tịch diệt nhẫn thì còn sót hai đời, Đẳng giác trung nhẫn thì còn sót một đời mà phần trụ ở tịch quang liền mở biến dịch ra khỏi thân sau, không còn sinh tử đời sau nữa. Tuy lại khác quả báo chỗ ở đều khác nhưng cùng là ngoại giới đồng mê Trung đạo, nên đồng là khí loại vô vi duyên tập.

Hỏi: Sao không dùng bốn thứ duyên tập đối với bốn cõi mà nói bốn loại chúng sinh?

Đáp: Mới nhìn qua có vẻ tiện lợi, nhưng đối với lý thì có phương hại, vì không khác về tự thể pháp giới mà khác vô vi. Việc được mất đến phẩm Thăm Bệnh sẽ nói rõ. Nếu lại căn cứ vô vi nêu ra hai thứ thì

không lỗi, ắt cần phải nêu ra, nhưng căn cứ bốn giáo mà nêu ra bốn loại chúng sinh này thì rất tiện.

Nếu xét theo quán tâm, do nhân duyên sinh ra tức là loại hữu vi từ Giả vào Không để phá tập hữu vi mà thành loại vô vi. Nếu nhập giả danh Trung đạo phá vô vi chưa hết, thì đều gọi là loại vô vi.

Giải thích riêng: Từ “Sở dĩ vì sao...” Chỉ vì Thánh tâm khó lường, nay nêu năm ý để nói chung về kinh này:

1. Căn cứ cõi nhiễm tịnh về chiều ngang nói chung về bốn thứ kinh văn.

2. Xét bốn cõi về chiều dọc.

3. Suy chung bốn cõi.

4. Xét theo quán tâm.

5. Căn cứ giáo.

Xét Đồng cư về chiều ngang “không gian”, y vào kinh có bốn:

a. Tùy việc hóa độ chúng sinh mà nhận được cõi Phật. Nay nói về cõi Phật rộng hẹp không đồng do chỗ hóa độ nhiều ít mà như thế. Như Đức Thích-ca dùng số trăm ức để làm cõi Đồng cư, viên mãn nguyện ấy mới thành Phật. Hay là dùng đại thiên hằng sa để làm cõi đồng cư. Như ở đời tạo số nhà rộng hẹp để ở do số chúng sinh hóa độ được mà nhận được cõi Phật cũng thế. Lại Bồ-tát hóa độ chúng sinh tu thiện nhiều ít có khác nhau, nên quốc độ trang nghiêm hơn kém cũng khác nhau. Nên nói chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát.

b. Tùy chúng sinh được điều phục mà nhận lấy cõi Phật, là nói Bồ-tát vì chúng sinh mà nhận lấy cõi nước, ược tịnh không đồng, đều thì việc điều phục được thích hợp, chứ không liên quan gì đến phước tuệ hơn kém của Bồ-tát. Như nuôi con tuy có yêu thương đánh mắng khác nhau, nhưng đều là để giúp cho thành nhân. Nhận cõi nước cũng thế. Nếu có người bức bách hại đạo thì dùng tịnh quốc mà khiến an, nếu có kiêu mạn hại đạo thì dùng cõi ược để điều phục. Không phải dùng cõi ược để khiến sinh khổ não, không phải dùng lạc quốc để giúp buông lung không tu. Vì sao Bồ-tát không vì chúng sinh mà tạo nhân duyên phiền não, đều cần làm ra cõi ược tịnh khiến họ lưu chuyển? Chính là do chúng sinh ác nghiệp đã dứt được nhiều ít mà nhận được cõi không đồng.

c. Tùy chúng sinh đáng dùng cõi nước nào để nhập Phật trí tuệ mà nhận lấy cõi Phật. Kinh Pháp Hoa nói: Chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời, vì khiến chúng sinh khai Phật tri kiến, nên nay nói Bồ-tát điều phục chúng sinh mà đến cõi ược tịnh, đều là khiến họ nhập Phật trí tuệ, đáng dùng tịnh quốc mà nhập, thì sự lý đều gặp, nếu

khuyến họ vào Phật tuệ đáng dùng uế quốc mà nhập, thì sự chậm rãi mà lý gấp. Khiến vào Phật tuệ do căn tánh cũng khác nên nhân cõi nước không đồng. Nên nói chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát.

d. Tùy chúng sinh nên lấy cõi nước nào để khởi căn Bồ-tát mà nhận lấy cõi Phật. Chúng sinh vào đạo do căn nhận pháp mà vào Phật tuệ. Bồ-tát quán xét lục căn của chúng sinh như nhãn, nhĩ..., căn nào lanh lợi. Nếu như nhĩ căn lanh lợi thì dùng tiếng làm Phật sự, tất cả pháp đều quy về tiếng như tiếng giảng nói ba đế, tuyên bày bốn giáo. Dùng cách khởi nhĩ căn làm căn của Bồ-tát tụ họp lại ở một cõi nước, sau khi thành Phật thì Bồ-tát dùng tiếng làm Phật sự. Nhãn... các căn kia y theo đây nên biết. Nói đầy đủ trong phẩm Bồ-tát Hạnh ở sau. Chính do sáu căn nhanh nhạy nên khiến Phật sự không đồng, đều là vì khởi căn tùy loại chúng sinh. Như ở cõi Ta-bà dùng tiếng nói làm Phật sự cho đến cõi Hương tích thì dùng hương làm Phật sự, đều là do căn loại của chúng sinh khác nhau cùng ở cõi ấy mà Phật sự không đồng. Nên nói chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát.

Xét bốn cõi về chiều dọc: có bốn

- a. Tùy việc hóa độ mà đối có cõi Đồng cư.
- b. Tùy việc điều phục mà đối có cõi Hữu dư.
- c. Tùy nhập Phật tuệ mà đối có cõi quả báo.
- d. Khởi căn Bồ-tát mà đối có cõi Tịch quang.

a. Do hóa độ, ở hàng cụ phước nội giới chưa thấy được chân lý, tâm thần loạn động, thiện ác bất định. Bồ-tát phương tiện quán sát thấy rõ ai đã thuần thực, chưa thành thực. Nếu chưa thuần thực thì dùng cõi uế, thuần thực thì dùng Tịnh độ, thuần thực, chưa thuần thực vô lượng, uế tịnh cũng thế.

b. Do điều phục mà có cõi Hữu dư vì sao? Vì các A-la-hán có khả năng điều phục những thứ khó điều phục nên gọi là điều phục. Đoạn văn dưới nói: “Nếu trụ ở tâm điều phục là pháp của Thanh văn.” Nên biết hàng Nhị thừa và Bồ-tát của ba giáo sau các hoặc nội giới đã hết thì đều gọi là điều phục, liền ra khỏi ba cõi, liền ứng hiện có cõi nước gọi là Hữu dư. Nên biết Bồ-tát vì chúng sinh này mà nhận lấy cõi Hữu dư.

c. Do vào Phật tuệ. Bạc Sơ trụ trở lên thấy được lý Trung đạo phá một phẩm vô minh, cho đến ba mươi chín phẩm, đều sinh quả báo, nên biết Bồ-tát vì đây mà vào Phật trí tuệ.

d. Khởi căn Bồ-tát, đối cõi Tịch Quang ở trước, nhập Phật tuệ là loại tổng tướng thấy Trung đạo. Nay nói khởi căn là loại Biệt tướng thấy Trung đạo. Như Thanh văn thì tổng tướng Tuệ là kém, còn Duyên

giác thì biệt tướng tuệ là hơn. Nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật nhãn cho đến Phật ý.” Kinh Ương-quật nói: Nói về nhãn thì các Như Lai luôn đầy đủ không hề giảm bớt, do tu mà thấy phân biệt rõ ràng nên nói là thấy. Tức là ở một căn trần mà thấu suốt ba đế tất cả các pháp vắng lặng mà thường chiếu, không thứ nào không thông suốt. Các căn trần khác cũng thế. Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả nơi, ấy là dùng cõi Thường tịch mà khởi căn Bồ-tát. Nên biết chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát. Dùng pháp giới hải sáu trần khởi các loại hậu thân của Bồ-tát thì đều nhập vào Tịch quang.

Hỏi: Kinh Nhân Vương nói: Cả Tam Hiền Thập Thánh đều trụ ở quả báo chỉ có Phật là người duy nhất ở Tịnh độ, nay vì sao nói Thập địa cũng ở cõi Tịch quang?

Đáp: Nhân quả cho và cướp lấy vô sinh tịch diệt Nhất thiết chủng trí.

Suy chung cả bốn cõi nước:

1. Chung cõi Đồng cư như bốn nghĩa trước.

2. Chung cõi Hữu dư, là tùy theo chúng sinh được hóa độ mà trụ vào quán phương tiện mà đoạn các kiết nội giới. Chúng sinh không thể không có phước tuệ hơn kém, cũng như các trời cùng đồ đựng báu nhưng sắc cơm có khác, để hóa độ chúng sinh này mà dùng cõi Hữu dư hoặc cõi Tịnh uế để điều phục vào Phật tuệ. Dùng sáu trần ở mười giới mà khởi các căn, khiến đối với các trần thấu suốt không ngăn ngại mà thấy lý Tịch quang. Đây tức là loại chúng sinh cõi Hữu dư, đều được dùng chung bốn trường hợp “tứ cú”.

3. Chung cõi quả báo Bồ-tát nhận lấy cõi này chính vì giáo hóa hàng Biệt viên. Các địa công đức đã có hơn kém, tức là các pháp môn điều phục tịnh uế các pháp môn tiến vào, các pháp môn tiến vào tức là pháp thân vào Phật tuệ, khiến các căn sáng tỏ đạt được sáu căn trong pháp giới hải của Phật, tức liền khởi căn.

4. Thông cõi Thường tịch. Phẩm đầu Vô Minh chưa dứt hết nên cần phải hóa độ, quả báo đã có cao thấp tức là điều phục tiến lên quán thật tướng, liền nhập Phật tuệ mà vào Trùng huyền môn hư không pháp giới hải. Tự hành và hóa tha ngang dọc chuyển sáng tức là khởi căn.

Căn cứ ba quán quán bốn cảnh, nghĩa là cảnh nhân duyên không giả trung. Cảnh là nơi tâm nương vào, tức nghĩa là cõi nước. Chúng sinh, như Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Các ông ngày đêm nên thường sinh vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Nay do nhân duyên tâm nhiều cảnh nhiều, tâm ít cảnh ít, do chiếu cảnh nhiều ít nên gọi là nước lớn nhỏ. Như thế

mà quán cảnh, thì gọi là hóa tâm; chúng sinh, duyên thiện ác tức là cõi tnh cõi ược điều phục cái tâm năng duyên khiến nó trụ vào chánh đạo, tức là điều phục, như thế mà điều tâm ngộ và giải bất định. Tùy quán thiện ác nhận lấy ngộ bất đồng nên gọi là cõi tịnh ược. Thiện ác có khác nhau mà nhập vào Phật tuệ không khác.

Khởi căn Bồ-tát là tùy quán thiện ác hiểu rõ trần này tức là pháp giới Thường tịch rốt ráo . Cảnh của Thường tịch phát ra chân trí, là chỗ sở y của trí thì cảnh tức là Tịch quang. Lại nữa, người tu quán bốn cảnh ấy không bị đấm trước vào cảnh, chỉ điều phục tâm số phiền não của chúng sinh, tùy mỗi mỗi cảnh mà quán rộng hẹp cùng với chẳng điều phục nhập cùng với chẳng nhập, khởi cùng với chẳng khởi. Hiểu rõ ý này ở trong cảnh nhân duyên, dùng bốn tâm này mà khởi thệ nguyện, nguyện các chúng sinh đều được như mình, hóa độ tâm số này thấy đều thanh tịnh tức là Tịnh độ mà an lập chúng sinh hữu vi duyên tập. Dùng bốn thứ quán ở “không” tâm nhiều ít nhập tuệ và khởi căn liền phát thệ nguyện, nguyện các chúng sinh như mình. Điều phục khiến tâm sáng rõ tức là cõi Hữu dư thanh tịnh mà an lập chúng sinh vô vi duyên tập. Nếu chỉ có hạnh mà không nguyện thì không thể cõi Phật thanh tịnh. Như có trâu mà không có người cỡi. Có nguyện mà không có hạnh Như có người cỡi mà không trâu, đều không đến đâu được. Người tu hành tâm trụ ở ba quán nguyện và hạnh đầy đủ mà thành tựu chúng sinh. cõi Phật thanh tịnh là ý ở đây vậy. Kinh Đại Tập nói: Muốn tịnh hóa thành cõi Phật phải tịnh tâm ông, tức là bốn thứ tâm vậy. Nên Phật đáp Bảo Tích rằng tùy tâm tịnh tức cõi Phật tịnh. Người tu hành nên biết tất cả Bồ-tát làm cõi Phật thanh tịnh đều từ tâm mà khởi.

Căn cứ giáo, có bốn phần:

1. Vì hóa độ chúng sinh chọn cõi Đồng cư. Chúng sinh được bốn giáo hóa độ chưa dứt hết các hữu vi, tức là phàm phu, đoạn hoặc chưa hết, tức là Thánh nhân. Vì loại này mà hóa độ thì chọn các cõi Đồng cư Tịnh ược. Nếu chúng sinh được bốn giáo hóa độ mà đã đoạn hết các hữu vi, để độ loại này thì chọn cõi Hữu dư. Nếu chúng sinh được Biệt viên hai giáo hóa độ, và đoạn hết các hữu vi thấy chân trung đạo, nhưng chưa hết vô vi, để hóa độ loại này thì chọn cõi quả báo. Nếu chúng sinh được viên giáo hóa độ vô vi sắp hết, để hóa độ nhóm này thì chọn cõi Tịch quang.

2. Vì điều phục chọn cõi Phật, chúng sinh do bốn giáo điều phục, đoạn hữu vi và vô vi hết và chưa hết thì hoặc phàm hoặc Thánh. Dùng giáo đối cõi theo như trước nên biết, chỉ nói điều phục có khác.

3. Nhân cõi nước vào Phật tuệ. Nếu vì chúng sinh nhận bốn giáo tu giáo nào để đoạn hoặc nào, đã hết hay chưa hết, ở quốc độ nào mà được khai quyền hiển thật. Tùy theo cõi nước tương ứng được nhập vào Phật tuệ, mà chọn lấy bốn cõi dựa theo “việc hóa độ” ở trên mà suy biết.

4. Khởi căn chọn cõi nước. Nếu nhận lấy tiếng bốn giáo khởi nhĩ căn, vốn đoạn hữu vi chưa hết, thì vì họ lấy tiếng làm Phật sự ở cõi nước Đồng cư, còn năm trần kia khởi năm căn để làm Phật sự cũng thế. Nếu nhờ vào tiếng bốn giáo, chúng sinh đoạn hữu vi đã hết, thì chọn âm thanh làm Phật sự ở cõi Hữu dư. Năm căn trần kia cũng đều như thế. Nếu nhờ vào tiếng của Biệt viên giáo mà thấy Trung đạo và đoạn hết vô vi thì dùng âm thanh làm Phật sự ở cõi nước quả báo. Khởi nhĩ căn cho đến khởi ý căn, nhưng trong đây sáu căn chúng sinh được xử dụng lẫn nhau, tùy trần khởi một căn tức khởi sáu căn, nếu là như Viên giáo đoạn vô vi sắp hết thì chọn cõi nước Tịch quang. Dùng sáu trần mà khởi sáu căn, đều là sáu căn tịch chiếu khiến thành sáu căn diệu giác. Đây riêng giải thích là vì chúng sinh chọn cõi nước, ở phẩm Bồ-tát Hạnh sẽ nói rõ. Vì đoạn văn sau phần nhiều giải thích đảo ngược nên khó thấy. Khi gặp văn đó sẽ nói riêng ra.

Tứ câu “Vì sao vậy” đến “chúng sanh là Tổng kết “phần c trong Chánh đáp”. Nói rõ về bốn cách chọn cõi nước này đều vì muốn làm lợi chúng sinh về hữu vi và vô vi duyên tập, tức là đáp chung về chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát.

Từ “Thí như trở xuống là “Phần Đáp quả Thí dụ. Có hai phần:

1. Mở Thí dụ.
2. Hợp dụ.
 - Phần mở có hai:
 1. Mở thí dụ thành.
 2. Mở thí dụ không thành.

Mở thí dụ thành. Muốn ở chỗ đất trống mà tạo dựng nhà cửa, thí như thường ở trong không mà thấy cõi Phật chẳng không, tức là nghĩa thành. Bốn thứ bất khả thuyết nên gọi là Không. Có nhân duyên nên nói bốn thứ nhân quả nên gọi là chẳng không. Bồ-tát căn cứ ở chúng sanh có bốn thứ khổ tập, dùng bốn thứ đạo diệt mà thành bốn Tịnh độ.

Mở thí dụ không thành, như ở hư không trọn không thành, thí như bốn thứ bất khả thuyết không thấy được bốn thứ Tứ đế, thì bốn thứ cõi Phật trọn không thành.

Phần hợp thí dụ, cũng có hai:

1. Hợp thì dụ thành, nhưng có đất không có không thì trọn không thành. Có đất có không mới có thể lập cung thất, muốn có cõi Phật thì hai pháp cần hợp thành. Nếu thuần dụng có phàm phu Tam tạng giáo thì Bồ-tát làm sao có thể Tịnh độ được. Nếu thuần dụng Nhị thừa “không” thì Bồ-tát của Thông giáo cũng đâu thể Tịnh độ. Nếu có không gian và đất thì xây cất nhà cửa mới được thành. Dùng tâm “không” bất khả đắc duyên với bốn thứ khổ tập chúng sinh mà tu bốn thứ đạo diệt nguyên hạnh, bèn thành nhân Tịnh độ. Như bốn thứ bất khả thuyết của Niết bàn tức là “không” vậy. Vì nhân duyên nên khởi thệ nguyện từ bi tu bốn cõi, nói bốn cõi không thể nói mà không thể lập mà lập, không và hữu không mất nhau cũng không ngại nhau là ước bất tư nghị mà luận về bốn cõi nước vậy. Như ngài Diệu Đức hỏi “Thất này vì sao để trống?” Ngài Tịnh Danh đáp: “Mười phương cõi Phật cũng đều trống không.” Lại nói: “Tuy biết các Phật quốc độ vắng bật như không trung, mà lại thường tu tịnh độ giáo hóa quần sinh”, nên biết bốn thứ không thể nói vắng bật như hư không. Do có nhân duyên nên cũng có thể nói, tức là khởi tất cả các thứ cõi nước thù thắng, nguyện nhận lấy Phật quốc mà không phải là hư không.

2. Hợp dụ không thành. Nếu chỉ ở không thì Tịnh độ không thành. Đây là chệ hàng Nhị thừa và Bồ-tát của Thông giáo tu nhân đản không “chỉ không” nên không thành Tịnh độ Phật quốc độ.

Từ: “Bảo Tích nên biết...” là phần đáp nhân chính đáp lời Bảo Tích hỏi về nhân Phật quốc. Có hai phần:

1. Trải rộng các hạnh mà tu nhân.
2. Dọc suốt nguồn tâm mà tu nhân.

Cả ngang rộng dọc sâu hỗ trợ lẫn nhau không được tách rời. Chỉ vì sách không muốn diễn bày trùng lên nhau nên nói có thứ tự trước sau thôi. Kinh Pháp Hoa nói tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa thì việc hợp lọng hiện cõi có tướng rộng dài là biểu thị cho điều đó. Ngang rộng dọc suốt văn kinh càng phải giải thích khiến cho nghĩa cao rộng được thành.

Nay trước là nói rộng tu nhân Tịnh độ, có mười bảy pháp môn, văn chia ba phần:

1. Ba khoa căn cứ ba tâm.
2. Sáu khoa căn cứ tự tu.
3. Tám khoa căn cứ hóa tha.

Ba tâm có bốn ý:

- a. Nói về riêng.

- b. Nói về chung.
- c. Nói về quán tâm.
- d. Giải thích theo kinh.

* Nói riêng về tu Tịnh độ, tức ba thứ tâm Bồ-đề: Trục tâm, Thâm tâm và Đại thừa tâm.

Quán Tứ đế gọi là trục tâm. Quán nhân duyên gọi là thâm tâm. Phát bốn hồng nguyện gọi là Đại thừa tâm.

Về trục tâm, là quán lý Tứ đế, tức ba thứ Tam-muội lia bỏ tà kiến cong vẹo, nên gọi là trục tâm. Nên trong Đại luận có nói: Đó là tâm Từ vô thủ luôn cong vẹo không thẳng, nếu được tâm Tam-muội thì liền ngay thẳng. Nay nói hàng Thanh văn tu ba thứ Tam-muội duyên với bốn chân đế mà có thể phát ra vô lậu đoạn bỏ các tà kiến, nên gọi là điều trục định.

Thâm tâm, là quán mười hai Nhân duyên tức trí tuệ Duyên giác. Trí sâu hơn Thanh văn, do trí quán nhân duyên mà diệt trừ các tập khí.

Hỏi: Tịnh độ là hạnh Bồ-tát sao được căn cứ ở tâm Nhị thừa?

Đáp: Đại phẩm nói: Ba thừa, Thập địa đều tu đều học mà không thủ chứng, còn Phật thì cũng học cũng chứng. Kinh Pháp Hoa nói: Thiếu dục và chán sinh tử là thật sự tự mình cõi Phật thanh tịnh. Nếu tâm Nhị thừa không phải là tịnh cõi Phật thì tại sao khi Bồ-tát thành Phật, các chúng sinh Nhị thừa lại sinh vào cõi nước ấy.

Hỏi: Trong đây chỉ nói trục tâm và thâm tâm đâu cần phải gương ếp đối với hàng Nhị thừa quán tâm?

Đáp: Kinh này vẫn còn mang phương tiện nên có giải thích này. Nếu chuẩn theo các kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa e là phải căn cứ ở tâm Nhị thừa tu hạnh Tịnh độ mà tiếp dẫn hàng Nhị thừa sinh vào cõi nước ấy. Nên trong Đại luận giải thích về phần Khuyến Học trong Bát-nhã nói: “Có cõi Phật toàn là Thanh văn làm Tăng, có cõi Phật toàn là Bích-chi-Phật làm tăng, có cõi Phật thuần là Bồ-tát làm Tăng. Nếu người tâm quán duyên đế mà không phải là tịnh cõi Phật, thì há thuần là Thanh văn đều sinh vào cõi nước ấy, Duyên giác, Bồ-tát cũng như thế nên biết.

Hỏi: Kinh này nói: Tùy các chúng sinh đáng dùng loại cõi nước nào để vào trí tuệ Phật. Lại kinh Pháp Hoa nói mười phương ba đời chư Phật ở cõi đồng cư đều khai ba hiển một. Nếu có cõi Phật toàn là Thanh văn thì sao được vào Phật tuệ mà khai hiển?

Đáp: Theo số nhiều mà luận. Cõi Đồng cư phần nhiều là khai ba hiển một. Đại phẩm nói điều này là cốt chỉ rằng cả mười phương không

thể không có Phật sự ấy, chỉ là chư Phật thường làm một việc. Tuy ở Đồng cư mà không được hiển một, thì các Thanh văn ở cõi Hữu dư được vào Phật tuệ.

Đại thừa tâm là Bồ-tát Tịnh độ duyên với Tứ đế mà khởi Bi thể nên gọi là tâm Đại thừa. Hàng Nhị thừa tự độ thì Thanh văn chỉ là trực tâm, Duyên giác chỉ là thâm tâm, còn Bồ-tát độ khắp gồm cả trực và thâm tâm, nên thêm vào tâm Đại thừa.

* Nói chung thì ba tâm chỉ là một tâm, chỉ khác tên mà thôi. Bởi vì ba tâm chỉ là một, tự tánh thanh tịnh không có hai bên cong vẹo, gọi đó là chân. Khó tìm nguồn cội nên gọi là thâm sâu, tánh nó rộng khắp nên gọi là đại. Bồ-tát tuy quán Tứ đế nhưng không chung với Thanh văn, vì quán vô tác Tứ đế mà tu tám Chánh đạo. Như Đại kinh có nói: Bồ-tát tu tám Chánh đạo tức là Phật tánh, nên nói: Trực tâm là đạo tràng không hư giả. Cho nên nếu quán vô tác mà tu tám Chánh đạo tức là bỏ kiến giải tà tiểu thấy quanh co gọi là chân trực tâm, nên biết trực tâm chính là đó. Kế đến, Bồ-tát quán nhân duyên mà không chung với Duyên giác. Kinh Đại Phẩm nói: Mười hai Nhân duyên là pháp riêng của Bồ-tát. Đại Luận cũng nói: Mười hai Nhân duyên là thâm pháp nhẫn, cho nên biết thâm tâm chính là ở Bồ-tát. Về tâm Đại thừa thì không cùng chung với hàng Nhị thừa và Bồ-tát của Tạng Thông như Đại kinh có nói: “Một thật đế gọi là Đại thừa”, nay ba tâm này không có ba thứ sai khác, không dọc không ngang là tên gọi khác của ba đức, muốn được dễ hiểu nên phân làm ba thứ. Lại tuy nói ba thứ mà như chữ “Y” ở đời thế gian Bồ-tát tu ba tâm này là gốc các tâm, tức là tâm đầu tiên trụ vào ba đức. Nếu xưa luận ba tâm nhân cảm được quả ba thân và thân Phật của bốn giáo, nay nói chỗ nương tựa phân nơi ba tâm liền cảm được quả ba cõi, bốn loại Phật quốc.

* Căn cứ quán tâm mà nói ba tâm, đầu tiên là thể từ Giả vào Không. Không giả hai quán, vì phương tiện nên ba tâm có khác. Nếu tu Trung đạo về ba tâm, thì ba tức một, một tức ba.

* Giải thích theo Văn kinh. Có ba phần:

a. Giải thích về trực tâm. Nay nói trực tâm là Tịnh độ, trước căn cứ theo giáo mà nói trực tâm là chánh nhân có thể cảm chánh quả, tức đoạn văn sau nói về quang nghiêm. Trực tâm là đạo tràng không hư giả, nên nay căn cứ theo trực tâm mà nói rõ là chỗ nương tựa nhân đó có thể cảm được quả quốc độ Y báo.

Hỏi: Vì sao riêng căn cứ Tứ đế mà nói trực tâm?

Đáp: Các tâm còn lại cũng đều căn cứ theo Tứ đế, và cũng làm

sao là Tứ đế mà có môn khác?

Về Trục tâm có năm: Thế gian và dùng bốn giáo. Trục tâm, của thế gian như người ghi chép sự thật không có đối trá, đây là cái trục của phàm phu ngoại đạo. Tuy thế tình đã mất nói người đó là trục tâm mà vẫn còn có chỗ cong vạy, cũng nói là si trục tức nghĩa này vậy.

Bốn giáo thì có bốn thứ tâm Chánh đạo mà không có bốn thứ tà khúc. Tam tạng giáo thì căn cứ sinh diệt là bỏ sáu mươi hai kiến tà khúc. Thông giáo thì vô sinh là bỏ khúc sinh diệt. Biệt giáo thì là bỏ khúc hằng sa. Viên giáo thì là bỏ khúc hai bên. Mỗi đều dựa theo về Tứ đế mà tu tám Chánh đạo thì đều gọi là trục tâm. Năm thứ trục tâm này có bốn quyền một thật. Nay Bồ-tát của Viên giáo biết tất cả pháp Không quyền không thật mà song tu, song dụng Bi thế, độ người mà tu hạnh năm trục, khen năm pháp trục, thấy người tu năm trục càng thêm tùy hỷ. Bồ-tát như thế dù chưa tám tướng thành đạo, song thường có thần thông ở khắp mọi nơi, dùng năm pháp trục mà thành tựu cõi Phật thanh tịnh cho chúng sinh. Nếu vào Sơ trụ đầy đủ Chân ứng tùy cơ độ người, liền hiện cõi Tịnh ấ đồng cư mà tám tướng thành đạo, thì không chỉ là các chúng sinh có trục tâm thế gian đã hóa độ từ xưa đến ở nước này mà còn. Các chúng sinh được hóa độ thuở xưa do tu sinh diệt Tứ đế và bốn thứ tám Chánh đạo đoạn hết hữu vi nhưng vô vi chưa đoạn, các chúng sinh ấy không siểm nịnh này đều đến ở đây. Hoặc các chúng sinh này ở quá khứ có các thứ căn tánh đốn, tiệm, bất định, bí mật... không đồng thì Bồ-tát khi thành Phật sẽ hiện ra bốn thân không đồng và pháp luân cũng có đốn tiệm... khác nhau. Như lúc đầu thì phó cơ dùng phương tiện, khi đến thời Pháp Hoa thì liền bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng, bỏ cả ba quyền xưa trở về một thật. Chúng sinh được giáo hóa đều không trụ vào cái dua nịnh quyền giáo. Cho nên nói trục tâm là Tịnh độ của Bồ-tát cho đến tới sinh ở nước ấy.

Lại nữa, Bồ-tát ở cõi Hữu dư được thành Phật, lúc đó chúng sinh có trục tâm Thập thiện không được sinh về cõi nước ấy. Vì sao? Vì các nội giới kiết nghiệp chưa đoạn hết. Cho nên nếu chúng sinh được hóa độ khi xưa tu trục tâm Tứ đế tám Chánh đạo, các kiết nghiệp nội giới đã hết, thì mới sinh vào cõi nước ấy, tức là Nhị thừa của Tam tạng giáo, có ba thừa của Thông giáo, một Thừa của Biệt viên... tổng gồm bảy trục tâm do chúng sinh không còn hữu vi duyên tập dua vọng đến ở cõi Hữu dư, cho nên nói trục tâm là Tịnh độ của Bồ-tát. Bảy loại chúng sinh không dua nịnh đến sinh ở nước ấy.

Lại nữa, Báo độ của Bồ-tát khi thành Phật thì chúng sinh với hai

trực tâm của Tạng Thông đều không được sinh, vì biệt hoặc chưa hết chỉ có hai thứ chúng sinh trực tâm Biệt Viên được độ từ xưa không còn sự dua nịnh của hai biên sinh vào nước ấy, nên nói chúng sinh không dua nịnh sinh vào nước ấy. Lại nữa, Bồ-tát khi thành Phật ở cõi Tịch quang thì chỉ có chúng sinh không dua nịnh do tu Biệt viên Bát trực “tám Chánh đạo) được độ thuở xưa là sinh vào nước ấy. Nghĩa này như thế. Đâu có thể một thứ si trực thế gian sinh vào cõi nước ấy được.

b. Thâm tâm sinh vào nước ấy, giải thích nhân duyên để biện minh về nghĩa thâm tâm, căn cứ các pháp môn khác không phải Không được nhưng cũng đâu thể lìa mười hai nhân duyên. Thâm tâm cũng có năm: là Sự thâm tâm, tức tu phước thế gian, và bốn thứ kia là căn cứ ở quán mười hai nhân duyên để nói về thâm tâm. Nghĩa là bậc Hạ trí quán sinh diệt, bậc Trung trí quán vô sinh, bậc Thượng trí quán vô lượng, bậc Thượng thượng quán vô tác, gồm ba quyền một thật. Bồ-tát hiểu biết không phải quyền không phải thật, mà quyền mà thật, để song tu thâm tâm mà thành tựu chúng sinh, cõi Phật thanh tịnh, và từ bi thế nguyện, tất cả đều khắp thấm nhuần, tán thán tùy hỷ. Bậc Thượng thượng thành tựu đầy đủ, Chân ứng hai thân, tám tướng thành đạo. Tùy theo bốn thứ chúng sinh đáng dùng thân Phật nào để độ và bốn cõi nước nào khi thành Phật thì tùy loại chúng sinh thâm tâm có duyên đều đến ở cõi nước ấy. Tùy theo chỗ tu của họ hoặc Lý hoặc Sự mà nói pháp, phân biệt các nghĩa lý... Suy từ trực tâm sẽ hiểu.

Nói “đầy đủ công đức”, là bậc Duyên giác thâm tâm tu phước đức, nên kinh Pháp Hoa nói: “Như người có phước từng cúng dường Phật, có chí cầu thắng pháp thì nói pháp Duyên giác”, tức là nghĩa này. Nhưng đầy đủ có hai nghĩa. Một là thâm tâm rộng và đủ tịnh hóa cõi: đồng cư gọi là đầy đủ công đức sinh về cõi ấy. Hai là thâm tâm tận nguồn nhân duyên. Mọi công đức sở hữu ở ba cõi đầy đủ tức là dọc đủ các loại trực tâm khác.

a) Nói về tâm Đại thừa từ câu tâm Bồ-đề” đến “nước ấy” tức Đại thừa của bốn giáo phát tâm Bồ-đề, trên cầu quả Phật dưới độ chúng sinh nên gọi là đại, đều duyên Tứ đế phát bốn hồng thế nên gọi là thừa, gồm ba quyền một thật. Bồ-tát của viên giáo tu quyền thật Đại thừa, thành tựu chúng sinh, cõi Phật thanh tịnh thì tự độ độ người tán thán tùy hỷ, sau khi thành Phật thì cõi Đồng cư có bốn thứ, cõi Hữu dư có ba thứ, cõi Thật báo có hai thứ và cõi Tịch quang chỉ có một. Các thứ khác so với trực tâm mà biết.

2. Sáu khoa căn cứ ở tự tu: ÷ câu “Bố thí...” trở xuống là nói về Lục

độ tức nhân Tịnh độ Từ “Bố thí trở xuống Đã hiểu rõ ba thứ tâm, nay căn cứ theo hạnh mà luận, cũng như mắt và chân đầu thể tách rời. Nếu không có ba tâm thì hành không chân thật, và hành cũng chẳng cao rộng. Cho nên dùng ba tâm mà vào tất cả hành.

- Bố thí, có năm là sự thí của thế gian và bốn thí của Bồ-tát. Sự thí của thế gian tức là Lục đạo thí. Nếu kẻ tạo tội ác, phá giới tà tâm và phá hoại Tam bảo mà bố thí thì cũng như Điều-đạt dạy vua A-xà-thế thí cho các Tỳ-kheo, hoặc làm mưu nghịch đem tiền của thí cho... Những người bố thí như thế, khi chết tất vào Địa ngục. Bố thí đó là Địa ngục đạo Bố thí Thí “Đàn”. Nếu người tạo tội ác phá giới, nhiều giận dữ mà bố thí thì sau khi chết sẽ đọa làm rồng, có cung điện bảy báu, y báo giống các trời, có chánh báo giống loài rắn. Hoặc như kẻ phá giới kiêu mạn, khủng bố mà được tiền của đem bố thí, thì sau sẽ chịu thân Kim sí điểu. Những kẻ bố thí như thế đều là súc sinh đọa bố thí. Kẻ làm mưu ác nghiệp phá giới dua nịnh độc hại được của phi pháp mà bố thí thì bị báo Dạ-xoa, hoặc kẻ phá giới dua nịnh lừa dối, ham mê rượu thịt, nhiều giận dữ đem của phi pháp bố thí, thì đọa làm Ma-hầu-la-già, bố thí như thế gọi là Quỷ thần đạo bố thí. Nếu kẻ ít giữ giới, ôm lòng ghen ghét giận dữ nhưng tu nhiều phước đức thì đọa làm A-tu-la. Có thể lực Y báo cùng chống cự với các trời, nhưng cảm nhận chánh báo có nhiều sợ sệt. Như thế cho đến Càn-thát-bà, Khẩn-na-la... đều là bọn siểm nịnh mê thích âm nhạc mà làm bố thí thì đều thuộc quỷ đạo. Nếu kẻ giữ năm giới, thập thiện tự giàu sang làm việc bố thí, nếu có tâm khinh khi, cục bộ hoặc hạn chế, trở ngại mà bố thí gọi là Tỳ-xá Thủ-đà Bố thí. Hoặc người trì giới có tâm ân cần cẩn trọng, đúng pháp bố thí gọi là Cư sĩ bố thí. Hoặc người trì giới ham thích đạo, cung kính rộng học mà bố thí là Bà-la-môn Đàn. Nếu người trì giới, cung kính phát từ tâm đại thí, tự bỏ tiền của của mình, lại khuyên dạy người khác tu phước thì là Sát-lợi bố thí. Các cách bố thí như thế đều là nhân bố thí. Nếu người ở bậc cao Thập thiện trì giới rất kỹ lưỡng, cung kính nghe pháp, từ thiện hiểu thuận cúng dường hương hoa đèn đuốc, các vật quý hiếm đúng pháp tịnh thí thì đều là Thiên bố thí. Như Luật tạng nói: Có một đứa bé làm thuê được tiền cúng thí chúng Tăng nguyện được sinh lên trời Đao-lợi, Đức Phật thọ ký cho được sinh. Nếu người trì giới càng tinh tế cho đến tu thiên, có tâm chán lìa thế gian mà bố thí thì được sinh lên trời Sắc giới gọi là tu Thiên đàn. Từ trên đều là thế gian sự thí có quả báo không đồng.

Bố thí của hàng Nhị thừa theo Tam tạng giáo là quán Tứ đế và

mười hai nhân duyên, vô thường, dùng trạch pháp và xả hai giác chi, bỏ thân mạng tiền của được đạo Nhị thừa. Hoặc là Bồ-tát bố thí, là bỏ thân mạng tiền của, quán sát vô thường, phát thệ nguyện đại bi như vua Thi-tỳ dùng thân mình thay chim Bồ câu, đó gọi là xả viên mãn bố thí thân đàn mẫn. Bỏ thân mạng như Đại luận nói: Tiền thân Đức Thích-ca và Điều-đạt cả hai cùng làm nai chúa, thì Thích-ca đã chết thay cho Nai chúa Điều-đạt, liễu mình một cách không chút luyến tiếc. Còn việc tài thí như khi làm Thái tử Tu-đại-noa đã bố thí cả hai đứa con cho Bà-la-môn như trong kinh đã nói đầy đủ. Đó gọi là Bồ-tát Tam tạng giáo viên mãn hạnh bố thí. Thông giáo bố thí là quán thể của vật thí, người thí, người nhận đều như huyễn hóa, khởi đại Từ thương xót chúng sinh mà bỏ tiền của thân mạng để thí. Về Biệt giáo bố thí thì tuy ba việc tức không mà chẳng trụ ở không, vào Giả để độ người làm các hạnh bố thí, bỏ tiền của thân mạng như kinh Hoa Nghiêm nói mười thứ bố thí. Kinh Địa Trì nói chín thứ. Về Viên giáo đàn, thì kinh Thắng-man nói: Về bỏ thân là thân kiếp sau sinh tử... lìa bỏ lão bệnh tử mà được thường trụ bất hoại, về tiền của cũng thế. Lại kinh Hoa Nghiêm nói Như Lai bố thí. Đại kinh cũng nói bố thí Ba-la-mật là Phật Tánh. Đại phẩm nói tất cả pháp đều hướng về bố thí. Kinh này nói: Bố thí là đạo tràng, không trông cầu quả báo, cho nên tự làm và dạy người, tán thán tùy hỷ. Về quyền thật bố thí, là sau khi thành Phật thì năm thứ chúng sinh thường xả bỏ tất cả sẽ sinh đến nước ấy. Phân biệt bốn giáo về đoạn các duyên tập hữu vi hay vô vi đã hết hay chưa hết... các căn duyên bốn giáo sinh đến bốn cõi nước... thì suy theo trực tâm ở trước mà biết.

Trì giới sinh về cõi nước ấy cũng có năm: Một thứ là sự tướng trì giới là phàm phu, còn bốn thứ trì giới kia tức là bốn giáo đã nói. Bốn thứ chánh ngữ và nghiệp, mạng... đều gọi là trì giới giải thích đầy đủ sự việc sẽ rất nhiều. Nói “Các chúng sinh mãn nguyện sẽ đến ở cõi nước ấy.” Các giáo đều nói “mãn nguyện” vì do trì giới thanh tịnh nên các thiện được sinh việc mong cầu đều có kết quả nên nói là mãn nguyện. Các thứ khác suy theo trực tâm sẽ biết.

Nhẫn nhục sinh về cõi nước ấy cũng có năm: Một sự nhẫn thế gian như phàm phu, bốn nhẫn kia lại căn cứ theo bốn giáo mà luận cách thức như trước nên biết. Bồ-tát sau khi thành Phật họ đều sinh đến cõi nước ấy. Như Luân vương, Đế Thích và các trời ở thượng giới có ba mươi hai tướng. Thanh văn, Duyên giác cũng có tướng là bốn thứ tướng nghiệp của bốn giáo không đồng, đều do nhẫn làm gốc. Bốn thứ tu tướng trong việc khen đức ở trước có nói việc bỏ đồ trang sức tốt đẹp. Đã lược nói

xong, các thứ khác suy ở trực tâm thì biết.

Tinh tấn sinh vào cõi nước. Có Luận sư cho rằng không có biệt thể mà chỉ căn cứ vào các hạnh. Hoặc có người nói là có biệt thể, cũng có năm thứ: Một thứ là sự tinh tấn tức là phàm phu, còn bốn thứ Đạo phẩm kia, mỗi thứ có tám tinh tấn, tức là bốn Chánh căn, và tấn lực, tấn căn, tấn giác, tấn đạo là tám. Sau khi Bồ-tát thành Phật, năm thứ chúng sinh này siêng tu tất cả công đức đều sinh lên cõi nước ấy. Các thứ khác suy trực tâm mà biết.

Thiền định sinh về cõi nước ấy cũng có năm: Một thứ là thế gian thiền định như phàm phu được bốn thiền bốn không. Bốn thứ sau căn cứ về bốn giáo, có bốn thứ đạo phẩm mỗi thứ có tám định, tức là bốn như ý định và định căn, định lực, định giác, định đạo... Cho đến tám bội xả, chín thứ đệ... đều là thiền định. Sau khi Bồ-tát thành Phật theo bốn giáo thì năm thứ chúng sinh nhiếp tâm bất loạn sẽ sinh đến nước ấy. Các thứ khác suy theo trực tâm.

Trí tuệ sinh về cõi nước ấy cũng có năm, trí thế gian tức là phàm phu trí, bốn thứ trí tuệ kia tức là bốn giáo nói về bốn thứ đạo phẩm đều có tám thứ trí tuệ. Đó là bốn Niệm xứ tuệ căn, tuệ lực, tuệ trạch giác và chánh kiến. Sau khi Bồ-tát thành Phật thì năm thứ chúng sinh chánh định đó sinh vào cõi nước ấy. Trên đây là các trường hợp quyền thật và các nghĩa đều suy theo trực tâm.

Hỏi: Trí của phàm phu v.v... sao được vào chánh định tụ?

Đáp: Phàm phu thế gian có chánh kiến cũng nhập vào chánh định tụ của xuất thế, nên cũng được gồm nói.

Tám khoa căn cứ hóa tha: Từ “bốn Vô lượng tâm” trở xuống là xét về hóa tha là tu nhân Tịnh độ. Đây là việc luôn thường phải vậy. Vì sao? Đây là việc xưa cũ. Vì sao? Vì Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thường khởi lòng đại bi cứu sinh, há hành Lục độ mà không có việc hóa tha. Bốn Vô lượng tâm cũng có năm thứ: Một thứ là sự bốn Vô lượng tâm là phàm phu tu mà được sinh vào cõi Sắc làm Phạm vương. Mỗi bốn giáo đều có bốn Vô lượng tâm. Tam tạng giáo là pháp sinh diệt duyên với bốn Vô lượng tâm. Thông giáo thì pháp Vô sinh duyên, Biệt giáo thì tạng thức ngoại giới, pháp hằng sa Phật pháp duyên với bốn Vô lượng tâm, còn Viên giáo thì pháp Trung đạo Phật tánh vô duyên duyên với bốn Vô lượng tâm như nam châm hút sắt tức là vô tác. Sau khi Bồ-tát thành Phật thì năm thứ chúng sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả đến sinh vào nước ấy. Quyền thật và các nghĩa đều suy theo trực tâm mà biết.

Bốn nhiếp sinh vào cõi nước ấy, bốn nhiếp pháp này cho đến hồi

hương đều không phải chỗ làm của phàm phu tiểu thừa, mà chỉ Bồ-tát của bốn giáo nói về nhiếp quyền thật không đồng. Bồ-tát sau khi thành Phật thì bốn thứ chúng sinh giải thoát sinh đến nước ấy Bồ-tát dùng bốn Nhiếp nhiếp giữ chúng sinh khiến họ vào Đệ nhất nghĩa. Do đó, chúng sinh được nhiếp thọ đều có nhân giải thoát đến sinh vào bốn cõi nước ấy cho đến các nghĩa đều suy theo trực tâm mà biết.

Về Phương tiện đến ở nước ấy, theo bốn giáo mỗi thứ có ba thứ Phương tiện:

- a. Tự hành.
- b. Hóa tha.
- c. Tự hành và Hóa tha.

Lại, mỗi thứ đều có ba thứ phương tiện:

- Phá pháp.
- Lập pháp.
- Giáo hóa.

Sau khi Bồ-tát thành Phật thì bốn thứ chúng sinh với tất cả phương tiện vô ngại đều sinh đến cõi nước ấy. Quyền thật và các nghĩa đều suy theo trực tâm mà biết.

Về ba mươi bảy phẩm đến cõi nước ấy. Pháp Nhị thừa này có đủ các phần như Huyền nghĩa. Bốn giáo nói ba mươi bảy phẩm không đồng. Sau khi Bồ-tát thành Phật thì các chúng sinh như thế đều sinh đến cõi nước ấy. Các nghĩa quyền thật cũng suy theo trực tâm mà biết.

Về tâm hồi hướng đến cõi nước ấy. Đại Luận có nói: Hồi hướng như tiếng thổi vào sừng. Bốn giáo Bồ-tát hồi hướng không đồng. Sau khi Bồ-tát thành Phật thì bốn thứ chúng sinh đầy đủ công đức đến cõi nước ấy, hồi công đức mình chung cho chúng sinh phước thiện đều đầy đủ, nên nay sinh đến thì công đức đều đầy đủ vậy. Cũng nên nói rằng chúng sinh muốn tu hồi hướng thì sinh đến nước ấy, e là văn đã lược bỏ mà thôi. Về quyền thật các nghĩa suy theo trực tâm.

Nói trừ bỏ cho đến tám nạn. Về tám nạn, thì ba ác đạo là ba; bốn là Bắc Uất-đơn-việt; năm là trời Trường thọ; sáu là mù, điếc, câm, ngọng; bảy là thế trí biện thông; tám là sinh ra trước hay sau Phật. Đây có hai thứ:

1. Nội giới là nạn của hai giáo trước.
2. Ngoại giới là nạn của hai giáo sau.

Bồ-tát xét theo bốn giáo nói về trừ bỏ hai thứ tám nạn. Đến chương Thiện Cát lại sẽ phân biệt. Bồ-tát tự trừ tám nạn hoặc dạy người khác, tán thán tùy hỷ. Sau khi thành Phật thì cõi nước đó sẽ không có ba ác

đạo và tám nạn. Căn cứ bốn cõi phân tích có nạn và không nạn, nghĩa tương rất nhiều khó thể luận đủ. Các thứ khác suy theo trực tâm.

Về tự giữ mình, xét theo bốn giáo cũng có bốn thứ. Tự giữ mình không chê bai có bốn trường hợp “bốn cú

1. Không tự giữ mà chê bai người khác.
2. Không tự giữ mà không chê bai.
3. Tự giữ mà chê bai.
4. Không tự giữ mà không chê bai.

Đại kinh nói: Giả sử có ba đứa con do đánh đòn mà chết. Chỉ có người con còn lại là đánh thật đau thì sao được hoàn toàn không chê người ấy, chỉ mong không có ác tâm tất là đối người khác có ích, không phải đều không chê bai vậy. Chỉ thấy bốn điều chê bai là Không lầm lẫn. Nói quyền thật các nghĩa suy theo trực tâm.

Về thập thiện sinh về cõi nước, có hai: Chỉ và Hành “ngăn chặn ác, hành thiện”.

Chỉ Thập thiện, cũng có năm thứ đó là Sự Thập thiện là việc làm của phạm phu. Bốn thứ còn lại thì căn cứ theo Bồ-tát của bốn giáo tự hành giáo tha, tán thán tùy hỷ. Sau khi Bồ-tát thành Phật thì năm thứ chúng sinh Thập thiện đến ở nước ấy. Không chết yếu là do không sát, giàu sang là do không trộm cắp, phạm hạnh là do không dâm, lời nói thành thật chắc chắn là do không vọng ngữ, thường nói lời dịu dàng là do không ác khẩu, quyến thuộc không xa lìa khéo hòa giải tranh cãi là do không nói hai lưỡi, lời nói ra có lợi ích là do không thêu dệt, không ganh tị là do không tham, ganh tị là do cấu sân giận. Nay căn cứ tham, thì do tham mà có ganh tị, không giận là Không sân, chánh kiến là Không si... Quyền thật và các nghĩa khác đều như trực tâm.

“Từ Như thế Bảo Tích” trở xuống là phần nói, đọc suốt nguồn tâm tu hạnh Tịnh độ. Có mười ba lần giúp nhau thành nhân Tịnh độ. Trên theo chiều ngang của trực tâm mà căn cứ theo mười bảy hạnh, nay lại từ chiều dọc của trực tâm mà nói từ cạn đến sâu. Dem dọc xét theo ngang thì không có một pháp nào không tu dọc; dem ngang ước dọc thì cũng như thế, như trước đã nói đầy đủ. Mỗi mỗi các hạnh cho đến tâm Kim cang, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Đây có ba:

1. Xét theo giáo.
2. Quán tâm.
3. Giải thích văn.

1. Xét theo giáo:

Tam tạng giáo không nói cõi Phật thanh tịnh, bởi trong kinh Thanh

vẫn không có mười phương Phật há lại luận về cõi nước và việc tu hạnh Tịnh độ? Nếu nói có thì thành mối nghi của ngài Xá-lợi. Đã không có giáo này thì không có hạnh, không người sao cần phải luận. Về hai giáo Thông và Biệt thì cần luận tông mà có ba ý sau:

a/ Căn cứ ở Thông giáo Thập địa thì trực tâm đối với kiến địa, trước chưa phát chân nên gọi là tà khúc, khi đặng địa thấy lý, lia các kiến tà vạy nên gọi là trực tâm. Nhân trực tâm này mà tiến vào Nhị địa. Từ Nhị địa có thể biến khắp mười bảy trường hợp này, nên gọi là phát hành. Do phát hành mà vào Tam địa. Ở Tam địa các giải hạnh đều tiến bộ nên gọi là thâm tâm. Do thâm tâm mà vào được Tứ địa. Ở Tứ địa thì sự lý đều làm mà tự điều phục mình điều phục người nên gọi là điều phục. Do điều phục mà được vào Ngũ địa. Ở Ngũ địa sự lý đã điều phục đúng như lời nói mà làm được vào Lục địa. Ở Lục địa đối với tất cả pháp lành đều hồi hướng về Phật quả, dùng đó thí cho chúng sinh, vì hồi hướng nên vào Thất địa. Ở Thất địa liền có phương tiện có thể tu tự hạnh và hóa tha nên được vào Bát địa. Ở Bát địa có thể đạo quán cùng thực hành, cũng thường mọi nơi mà giáo hóa điều phục chúng sinh. Chúng sinh đã điều phục thì cõi Phật liền tịnh, vì cõi Phật đã tịnh nên vào Địa thứ chín. Ở cửu địa có thể nói pháp tịnh, nói pháp tịnh tức trí tuệ tịnh, ở Địa thứ chín đầy đủ cả bốn mươi biện tài nên gọi là trí tuệ địa. Nhân trí tuệ tịnh mà được vào Thập địa. Ở Thập địa tức tâm tịnh nên tất cả công đức đều tịnh. Bắt đầu từ trực tâm đến hết câu kết nói “Muốn được cõi tịnh phải tịnh tâm mình, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, mượn mười Địa này đối thành chiều dọc của Thông giáo mà nói hạnh Tịnh độ hỗ trợ nhau. Căn cứ Biệt giáo đối với Thập địa, vẫn có hai ý:

Một là Từ Sơ địa có thể thấy Phật tánh liền phá vô minh, lia bỏ kiến giải tà vạy hai bên nên gọi là chân tâm. Từ Nhị địa đến Thập địa cũng giống Thông giáo khá biết. Chỉ thấy Thiên và Viên cho là khác mà thôi.

Hai là Y cứ kinh Nhân vương thập tứ Bát-nhã thì mất nghĩa hỗ trợ nhau theo nghĩa dọc. Kinh đó lấy ba mươi tâm cùng đối với ba thứ Bát-nhã. Nếu thế thì trực tâm tức đối Thập trụ, Vì sao? Vì khi vào lý Bát-nhã thì gọi là trụ, dù chưa thấy Viên nhưng hiểu tương tự nên gọi là trực tâm. Phát hành đối với Thập hạnh, Thập hạnh chính là nghĩa tu hành. Thâm tâm đối với Thập hồi hướng có thể quay sự vào lý, khiến cho giải và hạnh đều sâu. Điều phục đối với Sơ địa, thì Sơ địa phát chân, đạo quán cùng thực hành nên gọi là điều phục. Từ Nhị địa đến Thập địa thứ lớp đối câu kệ, Đẳng giác đối câu sau “Tâm tịnh thì cõi Phật

tịnh”, nên gồm Địa trước sau mà nhận lấy Đẳng giác. Nương vào Thập tứ Bát-nhã dọc đối các trường hợp, các số nghiêm chỉnh đầy đủ, tùy lời có chỗ không xứng với tên các Địa, như muốn giải thích thì tất cả đều thông suốt.

c/ Căn cứ ở Viên giáo, dựa theo những phân biệt ở trước nghĩa cũng còn sót, đâu có thể cho Sơ địa chỉ là điều phục mà không có công đức khác. Nếu có đầy đủ thì đâu chỉ được tên điều phục, nếu chỉ có một phần thì đâu đáng gọi là điều phục. Phải biết, còn là chưa đạt đến Viên giáo. Nay dùng mười trường hợp đều đối với giai vị Viên giáo để luận về dọc sâu, dùng nó mà nói về rộng ngang thì đều ở Sơ địa đã tự đầy đủ. Vì sao? Vì như bậc Đồng luân vương thấy lý đã phá vô minh, đâu không phải là trực tâm? Đã đầy đủ muôn hạnh đâu không phải là phát hành? Niệm niệm đều lưu nhập đâu không phải là thâm tâm? Năm trụ đã trừ sạch đâu không phải là điều phục? Giải hạnh giúp nhau đâu không phải là đúng thuyết mà hành? Muôn hạnh đều lưu nhập đâu không phải là hồi hướng? Quyền thật đầy đủ đâu không phải là phương tiện; được khắp hiện sắc thân đâu không phải là thành tựu chúng sinh. Nếu ở cõi nhiễm tịnh mà thành đạo chúng sinh bốn giáo cùng sinh đến nước ấy đâu không phải là cõi Phật thanh tịnh? Một âm diễn nói phó cơ khắp bốn thứ đâu không phải là tịnh nói pháp? Trí tịch chiếu không mưu cầu mà nói, há không phải là tịnh trí tuệ; thật tướng chân tâm cũng như hư không đâu không phải là tâm tịnh; một tâm muôn hạnh đầy đủ phước tuệ, đâu không phải là tịnh công đức? Chánh báo đã tịnh, Y báo cũng thế. Đồng đối với chư Phật thấy lý pháp tánh. Ở Nhân-đà-la võng mà phân nhập vào Tịch quang đâu không phải là tịnh cõi Phật. Nên biết trong tâm sơ trụ dọc sâu cùng tận nguồn tâm, mười bốn trường hợp này và vô lượng trường hợp đều ảnh hưởng tất cả. Cho nên môn chữ A đầu tiên đủ bốn mươi một chữ, bốn mươi một chữ cũng đủ ở môn chữ A. Nên biết luận dọc thì tận cùng các đời sau, nói ngang thì đầy đủ các môn. Phát tâm tu chánh hạnh hóa độ thêm hai cõi thành tựu chúng sinh tất cả đều đầy đủ trong sơ tâm. Cho nên trong Đại Phẩm có nói: “Khi mới phát tâm liền thành chánh giác.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Được một thân và vô lượng thân Như Lai.” Ở vị ban đầu đã dọc ngang các trường hợp cõi Phật thanh tịnh, các giai vị khác cũng thế. Như trước đã dẫn Đại kinh nói dụ về mặt trăng ngày rằm vậy.

2. Xét theo quán tâm: Từ chiều, dọc mười ba lần giải thích giúp nhau về sự hỗ trợ tu nhân Tịnh độ? Còn một tâm ba quán thì quán các pháp tánh tức là trực tâm. Tâm một niệm này đủ cả mười bảy hạnh

trước, tức là tùy theo trực tâm thì có thể phát hành. Sự lý giúp nhau tức có thể tiến nhập vào pháp giới thậm thâm. Vì thâm tâm nên tất cả sự lý bất thiện ý đều được điều phục. Vì ý đã được điều phục nên bao nhiêu pháp nói ra đều như thuyết mà làm. Hồi hướng việc làm của mình khắp thí cho tất cả. Đã có thể hồi hướng mà thí tức khiến cho tất cả chúng sinh dứt ác tu thiện. Vì tu thiện nên có thể tịnh cõi Phật. Cõi Phật đã tịnh nên cảnh giới liền tịnh. Cảnh giới tịnh nên nói pháp tịnh. Nói pháp tịnh nên nội tâm trí tuệ chuyển thành minh tịnh. Trí tuệ tịnh nên tất cả công đức đều thanh tịnh. Đây đều như thế, nên quán tâm thanh tịnh thì cõi Phật tịnh. Cho nên nói: “Muốn tịnh cõi Phật phải tịnh tâm mình, tùy tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh.” Thế thì, chiều dọc tu mười ba trường hợp rõ ràng đầy đủ trong quán tâm, gọi đó là quán hạnh tức vậy. Do đó, Pháp Hoa nói: “Nên biết người ấy đã đến đạo tràng gần quả Bồ-đề ngồi dưới đạo thọ. Nếu công hạnh đã thuần thực thì chư Phật ngậm gia hộ liền nhập vào tương tợ. Từ tương tợ mà tiến nhập vào đồng luân phần chứng chân thật, liền ở hai cõi mà tự hành hóa tha, cùng vật kết duyên, đáng dùng thân Phật để hóa độ, liền hiện thân Phật nói các pháp môn đốn tiệm, bất định, bí mật, để giáo hóa điều phục họ, nhập tuệ khởi căn mà nhận lấy cõi Phật. Nếu không như thế bậc Sơ trụ, làm sao duyên với tám tướng thành đạo? Tuy nói nghĩa quán tâm thật là tịnh hóa cõi Phật, đây là liễu nghĩa, nếu người lìa đây thì phần nhiều chấp văn theo lời mà sinh kiến chấp.

Lại nữa, không phải Biệt giáo thì không do đâu biểu thị dọc, nếu không phải Viên giáo thì không do đâu biểu thị ngang. Cũng như nếu không có ngày thì không do đâu thành tháng, nếu không có tháng thì không do đâu để đếm ngày, ngày tháng giúp nhau mới thành năm, cho đến nhiều năm. Nay ngang dọc giúp nhau nghĩa cao rộng đã rõ. Không phải dọc không phải ngang mà dọc mà ngang. Như chữ nhất ba mắt Thủ-la. Nên biết nghĩa Tịnh độ là nương vào ba đức bí mật tạng mà có, nếu ba thân ba đức đã là chánh báo, thì ba cõi, bốn cõi tức là y báo, y chánh cũng thành nghĩa này đã rõ.

3. Giải thích văn:

Tùy trực tâm mà có thể phát hành, thì trực tâm tức là Viên giáo quán trung, tu tám trực vô tác, được trực tâm này có thể hay đủ muôn hạnh, nên gọi là phát hành. Hoặc nói khi được trực tâm này liền có thể làm mười bảy pháp ngang ở trước, tùy theo phát hành mà được thâm tâm. Trực tâm là giải, phát hành là hạnh. Giải dẫn dắt hạnh, hạnh giúp đỡ giải. Giải và hạnh cùng thành, như mắt và chân đầy đủ thì mới đến

ao thanh lương nên gọi là thâm tâm.

Tùy thâm tâm thì ý được điều phục, là giải hạnh đã sâu thì có khả năng điều phục các hoặc của sự và lý. Hoặc của lý là vô minh mê Trung đạo. Hoặc của sự là mê hoặc hai đế trong ba cõi. Như khi nói phát tâm liền nhập vào Trung đạo song chiếu cả hai đế, tâm tâm tịch diệt, tự nhiên lưu nhập, tức có thể điều phục được các hoặc của sự lý. Kinh Nhân Vương nói: Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến Kim cang đành đều gọi là phục nhẫn, tức điều phục được ý. Tùy theo sức điều phục như thuyết mà làm, tức là mọi ngôn thuyết, không nhưng chỉ có lợi ích các căn cơ, nội tâm thanh tịnh mà còn như thuyết thực hành, nói và làm cùng giúp thiện căn thành tựu. Tùy theo như thuyết mà làm thì có khả năng hồi hướng, tức bên trong đã thành tựu các công đức thiện xoay chuyển những tu nhân hướng về Phật quả và thí cho chúng sinh.. Tùy chỗ hồi hướng ắt có phương tiện, tức xoay chuyển các hạnh tự làm của mình, trong thì hướng về Phật quả, ngoài thì thí cho chúng sinh, liền có thể phá hay lập khéo léo, giải độ chúng sinh nên nói là phương tiện. Tùy theo phương tiện mà thành tựu chúng sinh, tức phương tiện đã phá lập khéo léo, thì cái phá nên chiết phục, cái lập nên nhiếp thọ. Nếu chúng sinh bốn giáo chỉ và hành thiện đều thành tựu, tức là trí đoạn của bốn giáo đã lập thì nhân quả Chánh báo liền thành.. Tùy thành tựu chúng sinh thì cõi Phật tịnh, tức loại chúng sinh là cõi tịnh của Bồ-tát. Nếu chánh báo của chúng sinh chỉ thiện không ác, thì quốc độ y báo sẽ thanh tịnh. Nếu chánh báo hành thiện nhân thành thì cõi Phật trang nghiêm, nếu cõi nước thanh tịnh trang nghiêm thì gọi là cõi Phật tịnh.. Tùy cõi Phật tịnh thì nói pháp tịnh, nếu ở cõi uế nói pháp thì như trưởng giả cầm đồ hốt phân, đây là phó duyên nói pháp khổ thiết yếu, cũng như ngài Tịnh Danh vì các Bồ-tát đến cõi nước Hương Tích mà nói pháp chiết phục cõi này, mà không nói về giáo thanh tịnh các pháp thật tướng. Nếu là cõi Tịnh nói pháp thì chỉ nói pháp môn thanh tịnh các pháp thật tướng gọi là nói pháp tịnh.

Tùy nói pháp tịnh thì trí tuệ tịnh, tức nói pháp vốn phù hợp căn cơ chúng sanh. Cơ duyên nếu tịnh thì cảm trí tuệ Bồ-tát cũng tịnh, sở thuyết cũng tịnh. Ví như gió mạnh thì tiếng linh sẽ kêu to, cũng như người đời nói pháp giải thoát có lợi thì người phước trí đến nghe. Người nói không có ý khai giải trí tuệ. Tùy trí tuệ tịnh thì tâm tịnh tức người nói pháp trí tuệ sáng suốt càng tiến thì các hoặc cấu dần dần tiêu mất, tâm trở nên sáng, tức là tâm tịnh. Tùy tâm tịnh thì tất cả công đức đều tịnh, tức là chân tâm thanh tịnh mà tu các công đức và đều không nhiễm

trước thì tất cả đều thanh tịnh. Thế nên Bảo Tích đến cõi Phật tịnh là phần kết sau cùng toát yếu, chánh nói về nhân Tịnh độ. Muốn tịnh cõi Phật phải tịnh tâm mình, là từ trực tâm trở đi có mười ba câu, danh và nghĩa tuy khác nhưng đều là tịnh tâm. Tùy tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, tức tùy bốn giáo mà nói bốn thứ tâm tịnh, tức bốn thứ cõi Phật đều thanh tịnh cả. Lại bốn thứ tâm chỉ là một tâm tự tánh thanh tịnh. Tâm này nếu hiển bày tức là tất cả cõi Phật đều thanh tịnh. Bồ-tát từ xưa dùng bốn thứ Đạo để mà tịnh tâm, ba thứ trước là quyền, một thứ sau là thật. Hoặc của sự lý đã trừ thì chánh báo liền được Phật quả thanh tịnh, y báo tức là Thường tịch quang rốt ráo thanh tịnh. Bốn giáo chúng sinh có tâm cấu tịnh cùng cảm đến Tịch quang, mỗi người đều thấy có tịnh hay uế. Cũng như chư Thiên cùng có đồ đựng quý báu, nhưng tùy phước đức mà cơm có màu sắc khác, ý thí dụ này là ở đây.

Từ bấy giờ... trở xuống là phần hai: Thân tử sinh nghi . Có hai phần nhỏ:

Một, Lý do sinh nghi.

Hai là Chánh suy nghĩ nghi.

Lý do nghi, do nhờ oai thần của Phật mà sinh nghi. Thần lực của Như Lai gia bị cho ngài Thân tử, tức kinh này tuy đối Tiểu thừa mà nói Đại thừa. Ngài Thân tử là người trí tuệ bậc nhất trong hàng Tiểu thừa, được các Thanh văn kính nể, bỗng ngài sinh nghi tức các Thanh văn cùng nghi. Đại thừa Phương đẳng có việc bí mật khó nghĩ bàn tức ở giữa cõi uế mà có Tịnh độ. Ngài Thân tử chưa thể xứng cơ hỏi điều nghi ắt phải nhờ Phật lực mới hiểu được vật tâm, nên nói là nhờ oai thần Phật. Nương ý kinh Pháp Hoa phát bốn hiển tích nói các Thanh văn nội bí ngoại hiện “trong là Bồ-tát ngoài là Thanh văn”, sao lại bảo là Không thể xứng cơ của vật mà sinh nghi.

Chánh nói suy nghĩ nghi: Nghi Phật đáp lời Bảo Tích về tâm tịnh thì cõi tịnh, do chấp chặt Tam tạng giáo trước đây mà sinh nghi rằng: Bồ-tát suốt ba a-tăng-kỳ tu hành thành Phật là đồng nhau, vì sao nay lại nói Bồ-tát tâm tịnh tức cõi Phật tịnh. Riêng Đức Thích-ca không có tịnh độ, lẽ ra khi làm Bồ-tát ắt tâm không thanh tịnh, mà tâm không thanh tịnh sao được thành Phật. Nếu tâm tịnh mà thành Phật thì cũng phải ứng với tâm ấy mà có cõi Phật tịnh chứ sao được có cõi Phật uế ác. Vì trái với điều này nên sinh nghi mà chưa dám hỏi. Hoặc có thể do tự cho là hèn kém hẹp hòi, hoặc sợ là thất lễ, hoặc cho Như Lai sáng suốt tự đoán biết được nên chưa dám hỏi.

Từ “Phật biết ý ông...” Phật giải nghi. Có ba phần:

1. Phật hỏi về nhật nguyệt.
2. Ngài Thân tử đáp lời Phật.
3. Phật hợp dụ giải thích.

Về nhật nguyệt thì ví cho chân ứng Tịnh độ, cũng như cung Nhật Nguyệt do các báu tạo nên, chiếu sáng khắp bốn thiên hạ, trong đó có các trời ví như hai cõi Chân ứng, do muôn đức tạo thành thường chiếu sáng bốn cõi, tất cả chúng sinh chân ứng pháp thân đều nương vào đấy. Lại dụ cho chân duyên hai tu như nhật nguyệt cần nhau để thành tựu muôn vật, chiếu bày ra tất cả, chân duyên cũng thế, giúp nhau thành sáng. Vì chân duyên hợp lại nên thường tự chiếu bày bốn thứ Tịnh độ mà người mù không thể thấy được, vì tội chướng của hai duyên tập che lấp năm nhãn. Thế nên nêu nhật nguyệt làm dụ để hỏi ngài Thân tử.

Từ “thưa rằng”... đến “không phải lỗi của nhật nguyệt là Thân tử là đáp Phật.

Từ “Xá-lợi-phất”... đến “mà ông không thấy là hợp dụ, giải nghi Thân tử.

Chúng sinh do tội nên không thấy cõi Phật nghiêm tịnh, trước là hợp dụ người mù, tức chúng sinh do các duyên tập nội giới trước ác chướng nặng, nên không thấy được cõi Đồng cư tịnh độ. Do tội giới nặng cùng vô vi hợp nhau và do tội nội giới trần sa nên không thấy cõi Hữu dư tịnh độ. Do tội trần sa vô minh ngoại giới nên không thấy cõi quả báo Tịnh độ. Do tội vi tế vô minh pháp giới nên không thấy cõi Tịch quang Tịnh độ. Các cõi Tịnh độ này của ta mà các ông không thấy, đây là hợp dụ nhật nguyệt nói về bốn cõi nước thường luôn tịnh. Do ngài Thân tử có bốn thứ tội chướng trên nên không thấy vậy.

Từ “khi ấy...” trở xuống là phần nói S: Phạm chí Loa Kế tự dẫn chỗ thấy của mình giải nghi cho Thân tử.

Sở dĩ Phạm vương dẫn chỗ thấy, là các hàng Tiểu thừa nghi Phật, tuy nói cõi tịnh mà có ai thấy, thế nên Phạm vương ngầm hiểu ý Phật dẫn chỗ thấy của mình để chứng tỏ Phật không lừa dối, giúp chúng sinh điều lành tin nghe. Văn đây gồm hai phần:

Một là dẹp bỏ niệm nghi của Thân tử.

Hai là nêu chỗ thấy để giải nghi.

Phần một xem văn dễ hiểu.

- Phần hai có ba ý

1. Phạm vương thấy tịnh.
2. Thân tử thấy uế.
3. Giải thích lý do thấy cõi tịnh uế.

Phạm vương Tự tại kể lại việc mình thấy. Về Tự tại thiên có hai chỗ đồng tên Tự tại, hoặc ở đỉnh Lục dục hoặc ở đỉnh Sắc giới. Đây là cõi Dục trang nghiêm đẹp đẽ như Đồng cư tịnh độ. Cõi phương Tây tịnh độ cũng là Đồng cư tịnh độ. Kinh ấy cũng nêu trời thứ sáu để dụ nên nói đẹp báu cũng như ở cõi trời thứ sáu. Nhưng chánh báo của trời thứ sáu so với thân người Tây phương thì chỉ như kẻ ăn xin đứng bên trời Đê Thích. Đây là nói gần để thấy việc xa mà thôi.

Từ “Xá-lợi”... đến “sung mãn” là Thân tử nói chỗ thấy ướ như văn.

“Từ Loa-kế...” đến “thanh tịnh” là nói lý do thấy và không thấy : do ở tâm nhân giả có cao thấp: Vì không nương vào Phật tuệ nên không thấy tịnh. Bồ-tát tâm không cao thấp lại thường nương Phật tuệ nên thường thấy tịnh. Phật tuệ là nguyên do thấy tịnh. Sinh tử là thấp, Niết-bàn là cao. Lại nói tịnh là cao, cấu là thấp. Do cái thấy này mà thấy ướ. Phật tuệ trái với thứ này nên gọi là bình đẳng, không dơ nói dơ không sạch nói sạch, cái tướng của dơ sạch không ngăn cách nhau. Cho nên Loa Kế thấy cõi nước dơ tức sạch, còn ngài Thân tử đối với sinh tử và Niết-bàn dơ sạch có khác nhau, không nương vào Phật tuệ nên chỉ thấy là dơ.

Từ “Do đó...” trở xuống là phần năm, Phật hiện cõi Tịnh độ để giải nghi, Văn có bốn:

- a. Ấn đất hiện Tịnh độ.
- b. Phật hỏi Thân tử.
- c. Thân tử đáp.
- d. Giải nghi.

a. Ấn đất, cũng như ý dụ nhật nguyệt ở trên. Đất là dụ cho chân tu, ngón chân là dụ duyên tu. Chân và duyên hợp nhau thì cõi chân độ hiện, như ngón chân và đất hợp nhau thì cõi nước trang nghiêm hiện ra.

Hỏi: Trong bốn cõi thì đây hiện cõi nào?

Đáp: Có hai ý: Một là, hiện cõi Đồng cư thanh tịnh; hai là tùy cơ hiển hiện. Tất cả đại chúng khen là chưa từng có, không nhưng chưa từng thấy khi Phật nói kinh Thanh văn, mà trước đây khi nói các kinh Phương Đẳng rất nhiều lần hiển bày chánh báo và hiển bày y báo tịnh độ, thì cũng chưa thấy như hiện nay, và đều chỉ thấy Phật ngồi trên tòa sen báu. Đây là biểu thị lý đại chúng này đều sinh Tịnh độ hoặc sẽ sinh.

b. Từ “Phật bảo...” đến “trang nghiêm” là Phật hỏi Thân tử : như

văn.

c. Từ “Xá-lợi...” đến “đều hiện” là Thân tử đáp , trước đây Phật nói kinh Tiểu thừa hay Phương đẳng chưa được nghe thấy.

d. Từ “Phật bảo...”Phật chánh thức giải nghi có ba phần:

Một là Pháp.

Hai là Thí dụ.

Ba là, Thời chúng được lợi ích.

Một Pháp: Như văn nói.

Hai Về thí dụ, có hai là khai dụ và hợp dụ.

Về khai dụ, đồ đựng báu dụ cõi Tịnh quang, sắc cơm khác là dụ ba cõi kia, báu của ba cõi kia không hơn được Tịnh quang, nương vào Tịnh quang mà thấy không đồng.

Từ “như thế...” đến “trang nghiêm” là hợp dụ nay dùng mười thứ hợp dụ với thấy sắc cơm có khác nhau:

1. Xét theo cõi Đồng cư: trước nặng thấy cấu, trước nhẹ thấy tịnh. Vì tướng cấu tịnh này cách nhau nên cấu không thấy tịnh.

2. Xét theo Đồng cư Hữu dư, trong cõi Đồng cư thanh tịnh tuy không có trước nặng nhưng các kiến tư lôi kéo sinh ra nên cũng là cấu. Còn trong cõi Hữu dư đã đoạn từ lâu cấu này nên gọi là tịnh. Vì cấu tịnh chưa dung hòa nhau nên cấu thì không thấy tịnh.

3. Tự xét theo Hữu dư. Hàng Nhị thừa sinh vào cõi nước ấy là kém nên gọi là cấu, hàng Bồ-tát sinh vào cõi nước ấy vì đầy đủ phước nghiệp do cảm báo cũng cấu cũng tịnh, nên không thấy tịnh.

4. Xét theo quả báo hữu dư. Cõi Hữu dư chưa phá vô minh nên cõi ấy đều cấu. Sinh thật báo rồi đã phá vô minh nên người ấy thấy tịnh cũng cấu, nên không thấy tịnh.

5. Tự xét theo quả báo, trên dưới so với báo ắt có hơn kém, tự nhiên thành cấu tịnh cũng là cấu, nên không thấy tịnh.

6. Xét theo cõi quả báo, so với hạ phẩm của Tịnh quang.

7. Hạ phẩm Tịnh quang so với trung phẩm Tịnh quang.

8. Trung phẩm Tịnh quang trông vào thượng phẩm Tịnh quang.

9. Các cõi đối chung với Tịnh quang

10. Các cõi không phải cấu, Tịnh quang không phải tịnh. Rốt ráo không nói không phải cấu không phải tịnh, mà nói các cõi là cấu, Tịnh quang là tịnh. Nên ở đoạn văn sau nói rằng: Tuy biết các cõi Phật Quốc vĩnh viễn vắng bật như hư không mà hiện ra các loại cõi Phật thanh tịnh. Đây là mười lần cấu tịnh đối với sắc cơm có khác nhau.

Ba Thời chúng được lợi ích. Văn này có hai:

1. Việc hiện Tịnh độ được ích lợi.

2. Cả cõi nước được ích lợi Phần hiện Tịnh độ có hai:

a. Năm trăm vị trưởng giả tử nghe nói được Vô sinh nhẫn, tức Thông giáo là Thất địa, Biệt giáo là Sơ địa, Viên giáo là Sơ trụ.

b. Có tám vạn bốn ngàn người phát tâm Bồ-đề. Vị tâm Bồ-đề như trước đã phân biệt.

Nói hiện lại cõi ược, từ “Phật nhiếp... đến” ý giải thì đại chúng đều ngộ vô thường chứng đắc đạo Tiểu thừa. Mới đầu thấy ược là tịnh, ược là vô thường, lại tịnh trở về ược, tịnh là vô thường, vô thường nhanh chóng, nên được Pháp nhãn tịnh, thấy rõ ràng pháp sinh diệt Tứ đế. Ở pháp nhãn Tiểu thừa mà thấy ngôi vị phải là pháp nhãn của Đại thừa. Tám ngàn người chẳng thọ, là chứng đạo Vô học không thọ nhận pháp hư vọng sinh tử trong ba cõi nữa. Cho nên biết kinh này cũng mang cả thuyết vụng về. Ý là ở đây vậy.

